

Số: 176/KH-MN

Long Hưng, ngày 16 tháng 8 năm 2024

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC: 2024-2025

Căn cứ Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã được sửa đổi, bổ sung thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Thông tư ban hành Chương trình giáo dục mầm non.

Căn cứ Quyết định số 1691/QĐ-UBND, ngày 08/8/2024 của UBND tỉnh Hưng Yên quyết định ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học 2024- 2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ tình hình thực tế của nhà trường, của địa phương.

Trường Mầm non Long Hưng xây dựng Chương trình giáo dục nhà trường năm học 2024-2025 như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH:

1. Bối cảnh năm học 2024-2025:

- Năm học 2024-2025 kinh tế xã hội của địa phương dần ổn định sau ảnh hưởng của dịch bệnh covid-19 và có nhiều chuyển biến đi lên tích cực, đời sống nhân dân ngày càng được nâng cao nên việc đầu tư, chăm lo cho việc học của con em ngày càng được quan tâm.

- Trình độ dân trí của địa phương ngày càng được nâng cao nên phụ huynh quan tâm hơn với công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục của nhà trường so với trước kia.

- Kinh tế địa phương có phát triển nhưng chưa cao, thu nhập người dân trong địa bàn xã còn chưa cao. Vẫn còn nhiều cha mẹ học sinh còn mãi làm kinh tế thiếu nhiệt tình trong công tác phối hợp với nhà trường chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con em mình.

- Trên địa bàn xã còn có nhiều nhóm trẻ gia đình nên cũng có những ảnh hưởng đến công tác tuyển sinh của nhà trường.

2. Thuận lợi:

- Trường nhiều năm qua luôn là một trong những trường dẫn đầu trong toàn huyện. cụ thể năm học 2021-2022 trường được đánh giá bình xét danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” được UBND tỉnh tặng cờ thi đua, năm học 2022- 2023; 2023-2024 trường đạt tập thể lao động tiên tiến.

- Được sự quan tâm chỉ đạo sát sao, kịp thời của các cấp lãnh đạo đặc biệt là bộ phận Mầm non phòng GD & ĐT Văn Giang.

- Đội ngũ CBGV, NV nhiệt tình, tâm huyết với nghề, có ý thức trách nhiệm cao trong công việc.

- Đa số giáo viên đã nắm vững nội dung, phương pháp, tổ chức các hoạt động trong chương trình GDMN.

- 100% giáo viên, nhân viên có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn, biết ứng dụng công nghệ thông tin vào soạn giảng và tính khẩu phần ăn cho trẻ.

- Có phòng học, là phòng sinh hoạt chung và là phòng ngủ cho trẻ, có bếp ăn bán trú đảm bảo quy trình 1 chiều, sạch sẽ, vệ sinh, ngăn nắp, có đủ đồ dùng của nhà bếp, có khu vực vận động riêng dành cho trẻ...

3. Khó khăn.

- Trình độ, năng lực của một số giáo viên còn hạn chế trong áp dụng công nghệ số, áp dụng phương pháp giáo dục steam cũng như áp dụng linh hoạt phương pháp giáo dục lấy trẻ làm trung tâm do tuổi cao.

- Một số lớp trang thiết bị đồ dùng đồ chơi chưa đồng bộ theo yêu cầu của chương trình giáo dục theo hướng mở hiện nay còn nhiều hạn chế.

- Một số giáo viên còn lúng túng trong việc lồng ghép, áp dụng chuyên đề, cách tổ chức các hoạt động lấy trẻ làm trung tâm.

4. Quy mô phát triển giáo dục:

- Năm học 2024-2025 toàn trường có 28 lớp với 795 học sinh trong đó nhà trẻ là 160 và mẫu giáo 635

- Học sinh từng khối lớp cụ thể như sau:

- + Nhà trẻ: 8 nhóm với 160 cháu
- + Trẻ 3 tuổi: 6 lớp với 211 cháu;
- + Trẻ 4 tuổi: 7 lớp với 230 cháu;
- + Trẻ 5 tuổi: 7 lớp với 263 cháu;

5. Cơ sở vật chất, kỹ thuật:

- Tổng số phòng học: 28 phòng đủ so với số lớp (22 phòng kiên cố, 6 phòng bán kiên cố).

- Trường có các phòng: Phòng hội trường, phòng y tế - kế toán, phòng Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng...)

- Bếp ăn đảm bảo diện tích, đạt tiêu chuẩn bếp ăn 1 chiều, có đủ các thiết bị cần thiết trong chăm sóc nuôi dưỡng trẻ.

- Các phòng học được trang bị các danh mục thiết bị đồ dùng, đồ chơi tương đối đầy đủ theo quy định.

6. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên:

- Tổng số CBQL, GV, NV: 41 (BC: 39; CBQL: 3; GV: 36, Bảo vệ 2)

- Trình độ chuyên môn: Đại Học: **22 đ/c**; **Đạt tỷ lệ 55%**; Cao đẳng: **17 đ/c** **đạt tỷ lệ 42,5%**; Trung cấp: **01 đ/c** **đạt tỷ lệ 2,5%**.

- Đội ngũ CBGVNV nhiệt tình, đoàn kết, chuyên môn vững vàng, trình độ chuẩn và trên chuẩn đạt cao, đủ điều kiện phục vụ cho công tác chăm sóc giáo dục trẻ.

7. Cơ cấu tổ chức chuyên môn:

Số tổ chuyên môn: 4 tổ

+ Tổ 1: Nhà trẻ

+ Tổ 2: Mẫu giáo 3 tuổi

+ Tổ 3: Mẫu giáo 4 tuổi

+ Tổ 4: Mẫu giáo 5 tuổi

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Xây dựng trường học hạnh phúc, có uy tín về chất lượng giáo dục. Mỗi ngày đến trường là một ngày vui. Đảm bảo môi trường lành mạnh, thân thiện, an toàn, tạo điều kiện để mỗi trẻ có cơ hội bình đẳng trong học tập và phát triển những năng lực sẵn có của từng cá nhân trẻ, giúp trẻ hình thành và phát triển những nhân tố căn bản đặt nền móng cho sự phát triển hài hòa về thể chất và tinh thần, phẩm chất và năng lực; định hướng chính vào giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng và những thói quen, nề nếp, kỹ năng cần thiết trong học tập và sinh hoạt phù hợp độ tuổi. Nhằm nâng cao chất lượng giáo dục được quy định tại Chương trình giáo dục hiện hành và đạt mục tiêu giáo dục toàn diện, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục; đáp ứng nhu cầu hứng thú của trẻ, của gia đình và xã hội.

1. Mục tiêu cụ thể

- Năm học 2024-2025 là năm toàn ngành Giáo dục và Đào tạo Hưng Yên tiếp tục thực hiện Nghị quyết Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ XIX. Chương trình

hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 29/NQ-TW của Ban Chấp hành trung ương (khóa XI) về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục.

Thực hiện nhiệm vụ giải pháp trọng tâm năm học 2024-2025 và chủ đề năm học “*Kỷ cương trách nhiệm, đổi mới không ngừng, nâng cao chất lượng*”

- Thực hiện đổi mới phương pháp dạy học theo hướng lấy trẻ làm trung tâm phát huy, khích lệ được tính chủ động sáng tạo của trẻ, tăng cường rèn kỹ năng sống cho trẻ, kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức giải quyết vấn đề trong thực tiễn, tăng cường khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu và giáo dục bảo vệ môi trường cho trẻ. Đa dạng hóa các hình thức tổ chức các hoạt động cho trẻ tạo cơ hội cho giáo viên phát huy tính chủ động sáng tạo trong tổ chức các hoạt động cho trẻ.

- Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu lực và hiệu quả công tác quản lý, tạo điều kiện cho các tổ chuyên môn, giáo viên được chủ động cụ thể hóa các Mục tiêu - Nội dung chương trình giáo dục của Bộ sao cho phù hợp với văn hóa của địa phương, điều kiện của nhà trường, nhóm lớp và khả năng nhu cầu của trẻ.

- Hướng cho trẻ 3-4-5 tuổi tiếp cận dần với tiếng Anh, công nghệ số và giáo dục giới phù hợp độ tuổi.

- Nhằm giúp cho Cán bộ quản lý nhà trường có định hướng, chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá hoạt động chuyên môn của nhà trường cuối mỗi học kỳ và cuối năm học.

- Làm cơ sở để Cán bộ quản lý nhà trường theo dõi tiến độ thực hiện công việc ở từng thời điểm từ đó có sự điều chỉnh cho phù hợp với sự chỉ đạo của Ngành.

- Xây dựng nhà trường văn hóa, thực hiện tốt quy chế dân chủ trong nhà trường. Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ, giáo viên, nhân viên. Huy động được các nguồn lực của xã hội, cá nhân tham gia vào việc phát triển Nhà trường.

Tổ chức nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục Mầm non; nâng cao chất lượng thực hiện chuyên đề “Xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2021- 2026”; củng cố, duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi.

III. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH THỰC HIỆN, CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG:

1. Thực hiện chương trình giáo dục:

- Căn cứ Khung chương trình giáo dục hiện hành (văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT), các văn bản hướng dẫn đổi mới hoạt động chuyên môn và đề nghị của các tổ (nhóm) chuyên môn, trường MN Long Hưng ban hành kế hoạch hoạt động chuyên môn cho các khối;

- Các Tổ (nhóm) chuyên môn linh hoạt trong việc thực hiện khung phân phối chương trình để đưa các mục tiêu, nội dung dạy học theo các chủ đề phù hợp với

các thời điểm trong năm học, các nhóm thảo luận điều chỉnh trình tự các mục tiêu, nội dung cho phù hợp; tùy vào năng lực, nhận thức của trẻ các độ tuổi; đối tượng trẻ từng nhóm lớp ...

- Các lớp căn cứ kế hoạch tổ, khung chương trình của Bộ giáo dục đào tạo thực tế trẻ nhóm lớp phụ trách giáo viên điều chỉnh mục tiêu, nội dung, hoạt động và tổ chức dạy các hoạt động học, hoạt động giáo dục được quy định trong chương trình giáo dục Mầm non đúng kế hoạch xây dựng.

- Quy định thời gian học:

+ Học kỳ 1 bắt đầu từ 09/9/2024, kết thúc trước 18/01/2025;

+ Học kỳ 2 kết thúc trước 31/5/2025.

- Quy định số tuần học:

+ Nhà trường xây dựng 35 tuần thực học (học kỳ 1:18 tuần, học kỳ 2: 17 tuần).

2. Chương trình giáo dục nhà trường:

2.1 Chương trình giáo dục nhà trẻ

MỤC TIÊU	NỘI DUNG
1. PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	
<i>Phát triển vận động</i>	
MT1: Trẻ thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay, lưng/bụng và chân.	<ul style="list-style-type: none"> - Hô hấp: tập hít vào, thở ra. - Tay: giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay. - Lưng, bụng, lườn: cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên, vịn người sang 2 bên. - Chân: ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân...
MT2: Trẻ biết giữ được thăng bằng trong vận động đi/ chạy thay đổi tốc độ nhanh – chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bề vật trên tay.	<ul style="list-style-type: none"> - Tập đi, chạy: + Đi theo hiệu lệnh, đi trong đường hẹp. + Đi có mang vật trên tay. + Chạy theo hướng thẳng. + Chạy đổi hướng. + Đi bước vào các ô.

	<ul style="list-style-type: none"> + Đứng co 1 chân. + Đi trong đường ngoằn ngoèo. + Đi bước qua vật cản. + Đi bước qua suối nhỏ. + Đi bước qua vật kê cao. + Đi bước vào các ô. + Bước lên xuống bậc cao.
<p>MT3: Trẻ biết thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: tung - bắt bóng với cô khoảng cách 1m; ném vào đích xa 1 – 1.2m.</p>	<p><u>- Tập tung, ném, bắt:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> + Tung – bắt bóng cùng cô. + Ném bóng về phía trước. + Ném bóng vào đích. + Tung bóng qua dây. + Tung bóng bằng 2 tay.
<p>MT4: Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng.</p>	<p><u>- Tập bò, trườn:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> + Bò thẳng hướng và có vật trên lưng. + Bò chui qua cổng. + Bò trong đường hẹp. + Bò, trườn qua vật cản. + Ném bóng về phía trước. + Ném bóng vào đích. + Trườn chui qua cổng. + Trèo lên ván dốc.
<p>MT5: Trẻ thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, bật đá bóng: ném xa lên phía trước bằng 1 tay (tối thiểu 1.5m).</p>	<p><u>- Tập nhún bật:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> + Ném bóng về phía trước. + Ném bóng vào đích. + Bật tại chỗ. + Bật qua vạch kẻ. + Bật qua 3 vòng. + Bật xa bằng 2 chân. + Nhảy qua chướng ngại vật. + Nhún bật về phía trước.
<p>MT6: Trẻ biết vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay và thực hiện “múa khéo”.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Xoa tay, chạm các đầu ngón tay vào nhau, rút, nhào, khuấy, đảo, vò xé. - Đóng cọc bàn gỗ. - Nhón nhặt đồ vật.

<p>MT7: Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay - mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn; vẽ tổ chim; khâu vòng tay; chuỗi đeo cổ.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tập khâu, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây. - Chắp ghép hình. - Chồng, xếp 6-8 khối. - Tập cầm bút tô, vẽ. - Lật mở trang sách.
<p><i>Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe</i></p>	
<p>MT8: Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn các loại thức ăn khác nhau. Ăn chín, uống sôi đảm bảo vệ sinh. Lựa chọn thức ăn phù hợp với thời tiết.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau. Ăn chín, uống sôi đảm bảo vệ sinh. Lựa chọn thức ăn phù hợp với thời tiết. - Tập luyện tốt nền nếp thói quen tốt trong ăn uống.
<p>MT9: Trẻ biết ngủ 1 giấc buổi trưa.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa.
<p>MT10: Trẻ biết đi vệ sinh và bỏ rác đúng nơi quy định để bảo vệ môi trường. Bảo vệ môi trường sống của con người, cây cối, con vật...</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luyện một số thói quen đi vệ sinh và vứt rác đúng nơi quy định để bảo vệ môi trường. Bảo vệ môi trường sống như: Không vứt rác gây ô nhiễm nguồn nước, không khí, nơi sinh hoạt.
<p>MT11: Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh...).</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tập tự phục vụ: <ul style="list-style-type: none"> + Xúc cơm, uống nước. + Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, khi bị ướt. + Chuẩn bị chỗ ngủ. - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt.
<p>MT12: Trẻ biết chấp nhận mặc quần áo phù hợp với thời tiết như: Đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Mặc quần áo phù hợp với thời tiết: Đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh.
<p>MT13: Trẻ biết tránh một số vật dụng, nơi nguy</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số vật dụng nguy

hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở.	hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần.
MT14: Trẻ biết và tránh 1 số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh.
2. PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	
MT15: Trẻ biết sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	<ul style="list-style-type: none"> - Tìm đồ vật vừa mới cất giấu. - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc. - Sờ nắn, nhìn, ngửi.... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng – mềm, trơn (nhẵn) – xù xì. - Nếm vị của một số thức ăn, quả (ngọt – mặn - chua).
MT16: Trẻ biết chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng đồ chơi quen thuộc. Biết yêu quý, giữ gìn và bảo vệ đồ dùng, đồ chơi.	<ul style="list-style-type: none"> + Tên đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. + Đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm/lớp. Giữ gìn và bảo vệ đồ dùng, đồ chơi.
MT17: Trẻ biết nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.	<ul style="list-style-type: none"> + Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân. + Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình. + Tên của cô giáo và các bạn trong nhóm/ lớp.
MT18: Trẻ nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi.	+ Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.
MT19: a) Trẻ biết nói tên, đặc điểm nổi bật và	a) - Một số phương tiện giao thông

<p>công dụng của các đồ vật, hoa quả, con vật, PTGT, các loại cây quen thuộc.</p> <p>b) Trẻ biết tên, đặc điểm nổi bật của một số mùa trong năm (mùa hè). Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết.</p>	<p>quen thuộc:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi. Ảnh hưởng của PTGT đến môi trường xung quanh. - Một số con vật, hoa quả quen thuộc: + Tên và đặc điểm nổi bật của con vật, rau, hoa, quả, các loại cây quen thuộc góp phần bảo vệ môi trường. b) Mùa trong năm: + Tên, đặc điểm nổi bật của một số mùa trong năm (mùa hè). + Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết.
<p>MT20: Trẻ biết chỉ/ nói tên, lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/ vàng/ xanh theo yêu cầu.</p>	<ul style="list-style-type: none"> + Màu đỏ, vàng, xanh.
<p>MT21: Trẻ biết chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có, hình dạng, kích thước to/ nhỏ, số lượng, vị trí không gian theo yêu cầu.</p>	<ul style="list-style-type: none"> + Kích thước to – nhỏ. + Hình tròn, hình vuông. + Vị trí trong không gian (trên - dưới, trước - sau) so với bản thân trẻ. + Số lượng một – nhiều.
<p>3. PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ</p>	
<p>MT22: Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2 -3 hành động.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau. - Nghe các từ chỉ tên đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc. - Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói.
<p>MT23: Trẻ trả lời được câu hỏi: ai đây? cái gì đây? làm gì? thế nào?.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe câu hỏi: cái gì? làm gì? để làm gì? ở đâu? như thế nào?

<p>MT24: Trẻ hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe truyện ngắn đơn giản. - Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần có gợi ý.
<p>MT25: Trẻ biết phát âm rõ tiếng.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phát âm các âm khác nhau. - Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp. - Trả lời và đặt câu hỏi: cái gì? làm gì? ở đâu? thế nào? để làm gì? tại sao?... - Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1 – 2 câu đơn giản và câu dài.
<p>MT26: Trẻ biết đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có 3 – 4 tiếng.
<p>MT27: Trẻ nói được câu đơn, câu có 5 – 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe khi người lớn đọc sách. - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật hành động gần gũi trong tranh. - Tập nói tên, đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm/lớp.
<p>MT28: Trẻ biết sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Chào hỏi, trò chuyện. - Bày tỏ nhu cầu của bản thân. - Hỏi về các vấn đề quan tâm: Con gì đây? Cái gì đây?
<p>MT29: Nói to, đủ nghe, lễ phép.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng được những từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn.
<p>4. GDPTTC-KNXH VÀ TM</p>	
<p>MT30: Trẻ nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi).</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài của bản thân. - Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình.

<p>MT31: Trẻ biết thể hiện được điều mình thích và không thích.</p>	<p>- Thực hiện một số yêu cầu đơn giản của giáo viên.</p>
<p>MT32: Trẻ biết biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.</p>	<p>+ Giao tiếp với những người xung quanh.</p>
<p>MT33: Trẻ nhận biết được trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi...</p>	<p>- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận.</p>
<p>MT34: Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.</p>	<p>- Thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận.</p>
<p>MT35: Trẻ biết biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gần gũi: bắt chước tiếng kêu, gọi.</p>	<p>- Quan tâm đến các vật nuôi.</p>
<p>MT36: Trẻ biết chào hỏi, tạm biệt, cảm ơn, vâng, dạ.</p>	<p>- Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “dạ”, “vâng ạ”; chơi cạnh bạn, không cầu bạn.</p>
<p>MT37: Trẻ biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (bế em, khuấy bột cho em, nghe điện thoại...)</p>	<p>- Tập sử dụng đồ dùng đồ chơi.</p>
<p>MT38: Trẻ biết chơi thân thiện cạnh trẻ khác.</p>	<p>- Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn.</p>
<p>MT39: Trẻ thực hiện được một số yêu cầu của người lớn.</p>	<p>- Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt trong nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi quy định.</p>
<p>MT40: Trẻ biết hát, vận động đơn giản theo một vài bài hát/bản nhạc quen thuộc.</p>	<p>+ Nghe hát, hát và vận động đơn giản theo nhạc: nghe nhạc với các giai điệu khác</p>

	nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ. + Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc.
MT41: Trẻ thích tô màu, in màu, vẽ, nặn, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc).	+ Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, xé, vò, xếp hình.
MT42: Trẻ biết về một số ngày lễ hội của quê hương và một số mùa trong năm.	- Xem tranh

2.2 Chương trình giáo dục 3 tuổi

MỤC TIÊU	NỘI DUNG
Lĩnh vực phát triển thể chất	
<i>Dinh dưỡng và sức khỏe</i>	
MT 1: Trẻ nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, rau, trứng, sữa, cá, tôm, ...).	- Nhận biết một số thực phẩm quen thuộc.
MT 2: Trẻ biết tên một số món ăn hàng ngày: Thịt kho, tôm rang, canh rau,...	- Nhận biết một số món ăn, các bữa ăn trong ngày.
MT 3: Trẻ biết ăn để mau lớn, khoẻ mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	- Nhận biết ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)
MT 4: Trẻ có thể thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn như: - Rửa tay, lau mặt, súc miệng. - Cởi quần, áo khi bị bẩn, ướt...	- Thể hiện lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh... - Làm quen cách đánh răng, lau mặt. - Tập rửa tay bằng xà phòng. - Tập tháo tất, đi tất, mặc, cởi quần áo khi bị bẩn ướt...
MT 5: Trẻ biết sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.	- Tập sử dụng bát, thìa đúng cách.

<p>MT 6: Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: Uống nước đã đun sôi, ăn thức ăn đã được nấu chín...</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Tập luyện một số thói quen tốt trong ăn uống. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).
<p>MT 7: Trẻ có một số hành vi trong vệ sinh, phòng bệnh trước những biến đổi khí hậu khi được nhắc nhở như: - Biết vệ sinh răng miệng,.. - Biết đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, mặc quần áo mỏng khi trời nóng, đi dép, giày khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tập luyện một số thói quen trong vệ sinh, phòng bệnh trước những biến đổi khí hậu : + Lợi ích về việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. + Nhận biết trang phục theo thời tiết và ích lợi của việc mặc trang phục phù hợp thời tiết. + Nhận biết một số biểu hiện khi ốm. Nói với người lớn khi bị ốm đau, chảy máu.
<p>MT 8: Trẻ nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm: (bàn là, bếp đang đun, phích nước ...) khi được nhắc nhở.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.
<p>MT 9: Trẻ biết tránh nơi nguy hiểm: (hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi...) khi được nhắc nhở.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và phòng tránh những nơi không an toàn nguy hiểm đến tính mạng.
<p>MT 10: Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở: + Trẻ không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... + Trẻ không tự lấy thuốc uống. + Trẻ không leo trèo bàn, ghế, lan can. + Trẻ không nghịch các vật sắc nhọn. + Trẻ không theo người lạ ra khỏi khu vực trường, lớp.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và phòng tránh hành động nguy hiểm đến tính mạng: + Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... + Không tự lấy thuốc uống. + Không leo trèo bàn, ghế, lan can. + Không nghịch các vật sắc nhọn. + Nhận biết người lạ. Thực hành 1 số tình huống khi có người lạ đến dự dỗ, đón ra khỏi trường lớp.

MT 11: Trẻ biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.	- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.
<i>Luyện tập vận động</i>	
MT 12: Trẻ thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.	- Hô hấp: hít vào, thở ra. - Tay: + Đưa 2 tay ra phía trước, lên cao. + Đưa 2 tay ra phía trước, sang ngang. + Co và duỗi tay. + Hai tay sang ngang, bắt chéo 2 tay trước ngực. + Đưa từng tay lên cao. - Lưng - bụng, lườn: + Cúi về phía trước. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. + Đứng nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay đưa cao hoặc đặt sau gáy. - Chân: + Đứng khụy gối. + Từng chân đưa lên trước, ra sau, sang ngang. + Đứng nâng cao chân gập gối. + Ngồi xổm đứng lên, liên tục. - Bật + Bật tại chỗ. + Bật tách chụm chân tại chỗ. + Bật tiến lùi. + Bật sang bên trái, bên phải.
MT 13: Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2 m). Đi kiễng gót liên tục 3m.	- Đi kiễng gót. - Đi trong đường hẹp. - Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát.
MT 14: Trẻ có thể kiểm soát được vận động: Đi thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh.	- Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - Đi thay đổi hướng theo đường đích đặc.
MT 15:	

Trẻ có thể chạy được 15 m liên tục theo hướng thẳng, chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh, chạy liên tục trong đường đích dắc (3-4 điểm đích dắc) không chệch ra ngoài.	<ul style="list-style-type: none"> - Chạy nhanh 10 -12m. - Chạy nhanh 15m. - Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh - Chạy thay đổi hướng theo đường đích dắc.
MT 16: Trẻ biết bò trong đường hẹp (3m x 0,4m) không chệch ra ngoài, theo hướng thẳng, đường đích dắc và chui qua cổng, dưới dây, qua ống dài.	<ul style="list-style-type: none"> - Bò theo hướng thẳng. - Bò theo đường đích dắc. - Bò chui qua cổng. - Bò chui dưới dây. - Bò trong đường hẹp.
MT 17: Trẻ biết trườn theo hướng thẳng, chui qua cổng, dưới dây.	<ul style="list-style-type: none"> - Trườn theo hướng thẳng (về phía trước). - Trườn chui qua cổng. - Trườn chui dưới dây.
MT 18: Trẻ có thể phối hợp tay - mắt trong vận động tung bắt bóng với cô: Bắt được 2 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5 m).	<ul style="list-style-type: none"> - Tung bóng với cô. - Bắt và tung bóng với cô bằng 2 tay.
MT 19: Trẻ có thể phối hợp tay - mắt trong vận động: Tự đập - bắt bóng được 1-2 lần liên (đường kính bóng 18 cm).	<ul style="list-style-type: none"> - Tập đập và bắt bóng với cô. - Đập bóng xuống sàn và bắt bóng bằng 2 tay.
MT 20: Trẻ biết chuyền bắt bóng 2 theo hàng ngang, hàng dọc.	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyền bắt bóng 2 bên theo hàng ngang. - Chuyền bắt bóng 2 bên theo hàng dọc.
MT 21: Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập ném xa, đích ngang (xa 1,5m).	<ul style="list-style-type: none"> - Ném xa bằng 1 tay. - Ném xa bằng 2 tay. - Ném trúng đích bằng 1 tay.
MT 22: Trẻ biết dùng lực của chân để nhảy bật: Bật tại chỗ, bật về phía trước, bật xa 20- 25 cm.	<ul style="list-style-type: none"> - Bật tại chỗ. - Bật về phía trước. - Bật xa 20-25cm. - Bước lên, bật xuống bục cao (30cm).
MT 23: Trẻ có thể thực hiện được các vận động:	<ul style="list-style-type: none"> - Gập, đan ngón tay vào nhau, quay ngón

xoay tròn cổ tay, gập, đan ngón tay vào nhau.	tay, cổ tay, cuộn cổ tay.
MT 24: Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động: + Vẽ được hình tròn theo mẫu. + Cắt thẳng được một đoạn 10cm. + Xếp chồng 8-10 khối không đồ. + Tụ cài, cởi cúc. + Vặn, xoáy.	- Đan, tết. - Xé dán giấy. - Tô, vẽ nguệch ngoạc. - Sử dụng bút. - Vẽ hình tròn. - Sử dụng kéo. - Cắt theo đường thẳng 1 đoạn 10cm - Xếp chồng các hình khối khác nhau. - Cài, cởi cúc. - Đóng nắp chai có ren.
Lĩnh vực phát triển nhận thức	
Khám phá khoa học	
MT 25: Trẻ biết quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi, như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng hay đặt câu hỏi về đối tượng.	- Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật và hiện tượng: + Tên gọi, đặc điểm nổi bật của một số hiện tượng tự nhiên (nắng, mưa, nóng, lạnh..) ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ. + Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm. + Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày. + Ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật, cây. + Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày. - Các mùa trong năm, đặc điểm đặc trưng của các mùa.. - Các biểu hiện thời tiết bất thường do biến đổi khí hậu: Nóng nắng kéo dài, lốc xoáy, rét đậm rét hại....
MT 26: Trẻ biết sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng : Nhìn, nghe, ngửi, sờ...	- Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể.

để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.	
MT 27: Trẻ biết làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng.	- Làm các thí nghiệm đơn giản dưới sự giúp đỡ của người lớn. + Một vài tính chất của đất, đá, cát sỏi. Ví dụ: Thả vật vào nước để nhận biết tính chất.
MT 28: Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.	- Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.
MT 29: Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.	- Phân loại các đối tượng theo 1 dấu hiệu nổi bật.
MT 30: Trẻ nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	- Mối liên hệ giữa con người với môi trường: + Môi trường cung cấp lương thực, thực phẩm cho con người. + Cơ thể luôn hô hấp (hít thở), cần nước uống, lương thực, thực phẩm để sống và lớn lên. - Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi.
MT 31: Trẻ biết mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.	- Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo. + Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. + Tên gọi, đặc điểm nổi bật, ích lợi của 1 số kiểu nhà. + Tên gọi, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc. Luật lệ

	<p>giao thông phổ biến.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc. Tết và mùa xuân.
<p>MT 32: Trẻ biết thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc tạo.
Khám phá xã hội	
<p>MT 33: Trẻ nói được tên trường, lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tên trường, lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo, các cô bác ở trường. - Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường.
<p>MT 34: Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính, sở thích của bản thân khi được hỏi, trò chuyện. - Biết 1 số đặc điểm riêng biệt theo giới tính những hành động không nên.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Họ tên, tuổi, đặc điểm bên ngoài, giới tính, sở thích của bản thân. - Nhà vệ sinh, trang phục, đầu tóc theo giới tính. Vùng nhạy cảm riêng tư.
<p>MT 35: Trẻ nói được tên của bố, mẹ và các thành viên trong gia đình, địa chỉ gia đình.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình. - Địa chỉ nơi trẻ sống.
<p>MT 36: Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với các thành viên trong gia đình.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện tình cảm đối với các thành viên trong gia đình. + Nói lời yêu thương + Chăm ngoan, nghe lời.
<p>MT 37: Trẻ kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng, và một số nghề phổ biến trong xã hội khi được hỏi, xem tranh.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tên gọi, đặc điểm nổi bật sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến. - Nghề nông. - Thợ mộc, thợ xây. - Nghề dịch vụ. - Nghề bộ đội.
<p>MT 38: Trẻ kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, tết trung thu, tết thiếu nhi,... qua trò chuyện về tranh ảnh.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Ngày hội đến trường của bé. - Ngày tết trung thu. - Ngày hội quốc phòng toàn dân. - Múa hát mừng xuân.

	<ul style="list-style-type: none"> - Ngày vui của bà của mẹ. - Mừng sinh nhật Bác (19/5). - Vui tết thiếu nhi...
<p>MT 39: Trẻ nhận biết, kể tên một vài danh lam thắng cảnh ở quê hương, đất nước, Bác Hồ.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cờ tổ quốc. - Tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh ngày lễ hội của quê hương, đất nước. - Bác Hồ.
<i>Làm quen với toán</i>	
<p>MT 40: Trẻ biết quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đếm các đối tượng thông qua các hoạt động hàng ngày trong phạm vi 5 và theo khả năng.. - Tập đếm số ngón tay trên một bàn tay.
<p>MT 41: Trẻ biết đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 1 và nhiều. - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng. - Dạy trẻ đếm và nhận biết số lượng 1. - Dạy trẻ đếm trên đối tượng trong phạm vi 2. - Dạy trẻ đếm trên đối tượng trong phạm vi 3. - Dạy trẻ đếm trên đối tượng trong phạm vi 4. - Dạy trẻ đếm trên đối tượng trong phạm vi 5.
<p>MT 42: Trẻ có thể tạo nhóm đồ vật theo 1 dấu hiệu</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tạo nhóm đồ vật theo 1 dấu hiệu chung cho trước.
<p>MT 43: Trẻ biết so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thêm bớt tạo sự bằng nhau trong phạm vi 5.

<p>MT 44: Trẻ biết gộp và đếm 2 nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Gộp hai nhóm đối tượng và đếm trong phạm vi 2. - Gộp hai nhóm đối tượng và đếm trong phạm vi 3. - Gộp hai nhóm đối tượng và đếm trong phạm vi 4. - Gộp hai nhóm đối tượng và đếm trong phạm vi 5.
<p>MT 45: Trẻ biết tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 2 thành hai nhóm. - Tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 3 thành hai nhóm. - Tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 4 thành hai nhóm. - Tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm. - Tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành các nhóm nhỏ hơn.
<p>MT46: Trẻ biết xếp tương ứng 1-1, ghép đôi.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Xếp tương ứng 1 - 1. - Ghép đôi.
<p>MT 47: Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Xếp xen kẽ. - Sắp xếp theo qui tắc.
<p>MT 48: Trẻ biết so sánh hai đối tượng: So sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: To hơn/ nhỏ hơn;dài hơn/ ngắn hơn; cao hơn/thấp hơn; bằng nhau.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết sự khác biệt rõ nét về độ lớn của 2 đối tượng. - Nhận biết sự khác biệt rõ nét về chiều dài của 2 đối tượng. - Nhận biết sự khác biệt rõ nét về chiều cao của 2 đối tượng. - So sánh độ lớn của 2 đối tượng.

	<ul style="list-style-type: none"> - So sánh chiều dài của 2 đối tượng. - So sánh chiều cao của 2 đối tượng.
<p>MT 49: Trẻ có thể nhận dạng và gọi tên các hình: Tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết, gọi tên hình tròn, hình tam giác. - Nhận biết, gọi tên hình vuông, hình chữ nhật. - Nhận dạng các hình hình học trong thực tế. - Sử dụng các hình học để ghép.
<p>MT 50: Trẻ nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian: Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết phía trước - phía sau, phía trên - phía dưới của bản thân. - Nhận biết tay phải, tay trái của bản thân.
Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ	
<p>MT 51: Trẻ có thể thực hiện được yêu cầu đơn giản, ví dụ: “Con hãy lấy quả bóng ném vào rổ”.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản.
<p>MT 52: Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: Quần áo, đồ chơi, hoa, quả..</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc.
<p>MT 53: Trẻ biết lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng.
<p>MT 54: Trẻ có thể nói rõ các tiếng.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phát âm các tiếng của tiếng Việt.
<p>MT 55: Trẻ có thể sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ. - Trả lời và đặt các câu hỏi: “Ai?”, “Cái

	gi?”, “Ở đâu?”, “Khi nào?”.
MT 56: Trẻ sử dụng được câu đơn, câu ghép.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu mở rộng.
MT 57: Trẻ có thể kể lại được sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: Đi lớp, về quê thăm bà, đi chơi...	- Kể lại sự việc.
MT 58: Trẻ có khả năng đọc thuộc được bài thơ, ca dao, đồng dao...	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.
MT 59: Trẻ biết kể lại 1 vài tình tiết của chuyện đã được nghe.	- Kể lại 1 vài tình tiết của chuyện đã được nghe.
MT 60: Trẻ có thể bắt trước giọng nói của nhân vật trong truyện.	- Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên. - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt, phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
MT 61: Trẻ có thể sử dụng được các từ “Vâng ạ”, “Dạ”, “Thưa”...trong giao tiếp.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép. “Vâng ạ”, “Dạ, thưa” trong giao tiếp.
MT 62: Trẻ nói đủ nghe không nói lí nhí.	- Nói đủ nghe, không nói lí nhí.
MT 63: Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách xem tranh.	- Đọc sách cho nghe. - Xem và các loại sách khác nhau và tự giở sách xem tranh. - Tiếp xúc sách truyện. - Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh.
MT 64: Trẻ có thể nhận ra một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông, đường dành cho người đi bộ...).	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường dành cho người đi bộ...).

MT 65: Trẻ nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.	- Gọi tên các nhân vật trong tranh.
Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội	
MT 66: Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	- Tên, tuổi, giới tính.
MT 67: Trẻ nói được điều bé thích, không thích. - Trẻ thể hiện sự bình đẳng giới qua sở thích, mong muốn của mình.	- Những điều bé thích, không thích. - Bộc lộ sở thích, mong muốn của trẻ qua hành động chơi.
MT 68: Trẻ có thể mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	- Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.
MT 69: Trẻ biết cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (Chia giấy vẽ, cất dọn đồ chơi).	- Thực hiện công việc đơn giản được giao: - Chia giấy vẽ. - Chia đồ dùng, đồ chơi. - Xếp đồ dùng đồ chơi vào nơi qui định.
MT 70: Trẻ có thể nhận ra cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói.
MT 71: Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, trò chơi, hát, vận động.
MT 72: Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ.	- Nhận ra hình ảnh Bác Hồ. - Kính yêu Bác Hồ.
MT 73: Trẻ thích nghe kể truyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	- Nghe kể truyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.
MT 74: Trẻ thích quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	- Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.
MT 75: Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp	- Một số quy định ở lớp và gia đình (để đồ

<p>và gia đình: sau khi chơi biết xếp, cất đồ chơi không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.</p>	<p>dùng, đồ chơi đúng chỗ).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết hành vi “đúng”, “sai”, “tốt”, “xấu”. - Chờ đến lượt.
<p>MT 76: Trẻ biết chào hỏi và nói lời cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cử chỉ, lời nói, lễ phép (chào hỏi, cảm ơn). - Yêu mến bố, mẹ, anh chị em ruột.
<p>MT 77: Trẻ biết chú ý khi nghe cô, bạn nói.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Vâng lời cô giáo. Nghe cô và bạn nói.
<p>MT 78: Trẻ biết cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Chơi hoà thuận với bạn.
<p>MT 79: Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây. - Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối.
<p>MT 80: Trẻ biết quan tâm bảo vệ môi trường, bỏ rác đúng nơi quy định.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Giữ gìn vệ sinh môi trường. - Bỏ rác đúng nơi qui định.
<p>MT 81: Trẻ biết chung tay bảo vệ môi trường, tránh các hành động gây ô nhiễm môi trường .</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Chung tay bảo vệ môi trường như: + Tiết kiệm điện, tiết kiệm nước. + Hạn chế ô nhiễm tiếng ồn động cơ. + Khói bụi PTGT, nhà máy. + Hạn chế dùng túi li nông. + Không chặt phá rừng. + Yêu quý, bảo vệ động vật hang dã.
<p>MT 81 B: Trẻ biết 1 số thao tác công nghệ số đơn giản.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bật tắt ti vi, chuyển kênh tăng giảm âm lượng. - Bật tắt, nói chuyện qua điện thoại. - Bật tắt micro, máy tính thiết bị thông minh.
Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ	
Âm nhạc	
<p>MT 82: Trẻ vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn

và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng.	vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật
MT 83: Trẻ hát tự nhiên, hát được theo giai điệu của bài hát quen thuộc.	- Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát.
MT 84: Trẻ có thể vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa).	- Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp.
MT 85: Trẻ chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc.	- Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca).
MT 86: Trẻ vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	- Vận động theo ý thích khi hát, nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc.
MT 87: Trẻ có thể chơi các trò chơi để phát triển tai nghe, rèn phản xạ nhanh..	- Chơi các trò chơi âm nhạc.
Tạo hình	
MT 88: Trẻ vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	- Bộc lộ cảm xúc khi chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.
MT 89: Trẻ biết tái sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình thân thiện với môi trường sống để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	- Tái sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình thân thiện với môi trường sống để tạo ra các sản phẩm.
MT 90: Trẻ biết vẽ các nét xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản. Nhận xét các sản phẩm.	- Sử dụng một số kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm đơn giản.
MT 91: Trẻ biết xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản. Nhận xét các sản phẩm.	- Sử dụng một số kỹ năng xé dán để tạo ra sản phẩm đơn giản.

MT 92: Trẻ biết lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối. Nhận xét các sản phẩm.	- Sử dụng một số kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm đơn giản.
MT 93: Trẻ tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. Nhận xét các sản phẩm và đặt tên cho sản phẩm.	- Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích.
MT 94: Trẻ biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách, tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.	- Sử dụng một số kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản. + Xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách.

2.3 Chương trình giáo dục 4 tuổi

MỤC TIÊU	NỘI DUNG
Lĩnh vực phát triển thể chất	
<i>Luyện tập vận động</i>	
<i>Dinh dưỡng và sức khỏe</i>	
MT 1: - Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm. + Thịt cá có nhiều chất đạm + Rau quả có nhiều vitamin	- Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng). + Thịt cá có nhiều chất đạm. + Rau quả có nhiều vi ta min
MT 2: - Trẻ có kiến thức ban đầu về mối liên hệ giữa cơ thể và môi trường sống. - Trẻ nói tên một số món ăn hằng ngày và dạng chế biến đơn giản: Rau có thể luộc, nấu canh; Thịt có thể luộc, rán, kho; Gạo nấu cơm, nấu cháo...	- Cơ thể cần nước uống, lương thực, thực phẩm để sống và lớn lên. - Môi trường cung cấp lương thực, thực phẩm cho con người. - Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn.
MT 3: - Biết cách ăn uống hợp vệ sinh đảm bảo sức khỏe. Biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh

	duỡng, béo phì...)
MT 4: - Trẻ thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở như: Tự rửa tay bằng xà phòng, lau mặt, đánh răng. Tự thay quần áo khi bị ướt bẩn...	- Thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: + Tập đánh răng, lau mặt. + Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng. + Đi vệ sinh đúng nơi quy định.
MT 5: - Trẻ biết tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không làm rơi vãi, đổ thức ăn.	- Rèn luyện sử dụng bát, thìa và sử dụng cốc, đúng cách.
MT 6: - Trẻ có 1 số hành vi tốt trong ăn uống: + Mời cô, các bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ. + Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... + Không uống nước lã.	- Tập luyện một số thói quen tốt trong ăn uống. Biết ăn chín uống sôi, không ăn thức ăn không rõ nguồn gốc, đồ ôi thiu. + Mời cô, các bạn khi ăn: ăn từ tốn, nhai kỹ. + Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... + Không uống nước lã.
MT 7: - Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh trước những biến đổi khí hậu. Sử dụng đồ dùng cá nhân không dùng đồ của người khác, mặc quần áo trang phục phù hợp với thời tiết đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học đảm bảo sức khỏe: Vệ sinh răng miệng, che miệng hắt hơi khi ho.	- Trẻ biết giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. Phân biệt được đồ dùng cá nhân của mình để sử dụng, không dùng chung ca cốc, khăn mặt, bàn chải đánh răng. - Nhận biết trang phục theo thời tiết và ích lợi của việc mặc trang phục phù hợp thời tiết. Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết. - Vệ sinh răng miệng thường xuyên, khi ho hay hắt hơi phải che miệng.
MT 8: - Trẻ biết nói với người lớn khi bị đau, chảy	- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và

máu hoặc sốt.	cách phòng tránh đơn giản. - Nói với người lớn khi bị ốm đau, chảy máu.
MT 9: - Trẻ biết đi vệ sinh và bỏ rác đúng nơi qui định. Không khạc nhổ bừa bãi.	- Đi vệ sinh, bỏ rác đúng nơi qui định. - Không khạc nhổ bừa bãi.
MT 10: - Trẻ nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...là nguy hiểm không nên đến gần. Biết không nên nghịch các vật sắc nhọn.	- Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. Không nên đến gần, không nghịch và tự ý sử dụng các vật sắc nhọn.
MT 11: - Trẻ nhận ra những nơi như: hồ, ao, mương nước, suối, bể chứa nước...là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.	- Nhận biết và phòng tránh những nơi không an toàn nguy hiểm không an toàn đến tính mạng.
MT 12: - Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở: + Trẻ không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... + Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn.	- Nhận biết sự nguy hiểm khi cười đùa trong ăn, uống. - Biết nhận ra những thức ăn có mùi, ôi thiu, những quả lạ. Đồ uống có ga, chất kích thích như bia, rượu, cà phê. Không tự ý ăn, uống khi không được phép của người lớn để tránh xa những hành động nguy hiểm đến tính mạng.
MT 13: - Trẻ biết mình không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.	- Nhận biết được người lạ. - Thực hành 1 số tình huống khi có người lạ đến dự dỗ, đón ra khỏi trường lớp.
MT 14: - Trẻ nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ: + Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. + Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói	- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. - Gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. - Gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói

được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.	được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.
Luyện tập vận động	
<p>MT 15:</p> <p>- Trẻ thực hiện, đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài tập thể dục theo hiệu lệnh.</p>	<p>- Hô hấp: hít vào, thở ra.</p> <p>- Tay:</p> <p>+ Tay 1: Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang ngang (kết hợp với nắm bàn tay, nắm, mở bàn tay).</p> <p>+ Tay 2: Đưa 2 tay ra phía trước (hoặc phía sau) và vỗ vào nhau.</p> <p>+ Tay 3: Đưa ra trước, gập khuỷu tay.</p> <p>+ Tay 4: Đưa hai tay ra phía trước, về phía sau.</p> <p>+ Tay 5: Hai tay thay nhau quay dọc thân.</p> <p>- Lưng- bụng, lườn:</p> <p>+ Bụng 1: Nghiêng người sang bên.</p> <p>+ Bụng 2: Quay người sang bên.</p> <p>+ Bụng 3: Đứng cúi người về phía trước.</p> <p>+ Bụng 4: Ngồi cúi về trước, ngửa ra sau.</p> <p>+ Bụng 5: Ngồi quay người sang bên.</p> <p>- Chân:</p> <p>+ Chân 1: Đứng 1 chân đưa lên trước, khụy gối.</p> <p>+ Chân 2: Đứng 1 chân nâng cao, gập gối.</p> <p>+ Chân 3: Đứng, nhún chân, khụy gối.</p> <p>+ Chân 4: Ngồi xổm, đứng lên liên tục.</p> <p>- Bật:</p> <p>+ Bật 1: Bật tại chỗ.</p> <p>+ Bật 2: Bật tiến, lùi.</p> <p>+ Bật 3: Bật sang bên phải bên trái.</p> <p>+ Bật 4: Bật tách chụm</p>
<p>MT 16:</p> <p>- Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện các vận động : Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn...</p>	<p>- Đi bằng gót chân, đi khụy gối.</p> <p>- Đi trên ghế thể dục.</p> <p>- Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát.</p> <p>- Đi trên vạch thẳng kẻ trên sàn.</p> <p>- Đi bước dồn trước.</p> <p>- Đi bước dồn ngang.</p>

<p>MT 17: - Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m.</p>	<p>- Đi bước lùi từ 2,5 đến 3m</p>
<p>MT 18: - Trẻ kiểm soát được vận động đi thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4-5 vật chuẩn đặt đích dắc).</p>	<p>- Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - Đi thay đổi hướng (dích dắc) theo vật chuẩn. (4 - 6 vật chuẩn đặt đích dắc)</p>
<p>MT 19: - Trẻ kiểm soát được vận động chạy chậm 60-80m. Chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4-5 vật chuẩn đặt đích dắc). Chạy liên tục theo hướng thẳng 15 m trong 10 giây.</p>	<p>- Chạy chậm 60-80m. - Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - Chạy thay đổi hướng dích dắc theo vật chuẩn. (4 - 6 vật chuẩn đích dắc) - Chạy 15m trong khoảng 12 - 15giây. - Chạy theo bóng và bắt bóng.</p>
<p>MT 20: Trẻ biết bò theo hướng thẳng. Bò chui qua cổng, dưới dây, qua ống dài. Bò trong đường dích dắc (3-4 điểm đích dắc, cách nhau 2m) Không chệch ra ngoài.</p>	<p>- Bò bằng bàn tay, cẳng chân (3,5m). - Bò bằng bàn tay, bàn chân (3,5m). - Bò chui qua cổng (40 x 40 cm) - Bò chui qua ống dài.(1,2m x 0,6m) - Bò trong đường dích dắc qua 5 điểm.</p>
<p>MT 21: Trẻ biết trườn theo hướng thẳng.</p>	<p>- Trườn theo hướng thẳng (về phía trước).</p>
<p>MT 22: Trẻ biết trèo lên xuống thang, trèo qua ghế dài</p>	<p>- Trèo lên, xuống 5 hoặc 7 gióng thang. - Trèo qua ghế dài 1,5 m x 30cm.</p>
<p>MT 23: Trẻ phối hợp tay mắt trong vận động tung bắt bóng với người đối diện (cô / bạn): Bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3 m)</p>	<p>- Tung bóng lên cao và bắt bóng bằng 2 tay. - Tung bóng với người đối diện.</p>
<p>MT 24: Trẻ tự đập, bắt bóng được 4-5 lần liên tiếp.</p>	<p>- Đập bóng xuống sàn và bắt bóng bằng 2 tay.</p>
<p>MT 25: Trẻ biết chuyền bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc</p>	<p>- Chuyền bắt bóng 2 bên theo hàng ngang. - Chuyền bắt bóng qua đầu theo hàng dọc.</p>

	- Chuyển bóng qua đầu, qua chân theo hàng dọc.
MT 26: Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập ném xa ném trúng đích ngang (xa 2m) , đích thẳng đứng (xa 1,5m x cao 1,2m), ném xa bằng 1 tay, 2 tay.	- Ném xa bằng 1 tay. - Ném xa bằng 2 tay. - Ném trúng đích nằm ngang. (Đích xa 1,2-1,4m) - Ném trúng đích thẳng đứng. (Xa 1,2m cao 1m)
MT 27: Trẻ biết dùng lực của chân để nhảy bật: Bật tại chỗ, bật về phía trước, bật xa 35- 40 cm. Bật qua vật cản. Nhảy lò cò.	- Bật liên tục về phía trước. - Bật xa 35-40cm. - Bật nhảy từ trên cao 35-40cm xuống (Bật sâu) - Bật chụm chân, tách chân. - Bật qua vật cản (Cao 12cm- 15cm) - Nhảy lò cò 3m.
MT 28: Trẻ thực hiện các vận động cuộn-xoay tròn cổ tay, gập, mở các ngón tay vào nhau.	- Vo, xoáy, xoắn vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn nổi..
MT 29: Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay mắt trong hoạt động. Tết sợi đôi.	- Tết sợi đôi, trải đầu buộc tóc tết xam. Đan giỏ, gập giấy, xé giấy...
MT 30: Trẻ vẽ được hình người, nhà, cây.	- Sử dụng bút vẽ hình người, nhà, cây. Tô vẽ hình.
MT 31: Trẻ cắt thẳng thành thạo theo đường thẳng.	- Xé, cắt đường thẳng.
MT 32: Trẻ biết xây dựng lắp ráp 10-12 khối không đồ.	- Lắp ghép hình.
MT 33: Trẻ biết tự cài, cởi cúc, buộc dây giày.	- Cài cởi cúc áo, buộc dây giày.
Lĩnh vực phát triển nhận thức	
Khám phá khoa học	
MT 34:	

<p>Quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: Vì sao cây lại héo? Vì sao lá cây bị ướn?... </p>	<p>- Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật và hiện tượng: + Tên gọi, đặc điểm nổi bật của một số hiện tượng tự nhiên (nắng, mưa, nóng, lạnh..) ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ. + Sự khác nhau giữa ngày và đêm. + Các nguồn nước trong môi trường sống. + Ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật, cây. Đưa ra câu hỏi về nước đối với cây: Vì sao cây lại héo? Vì sao cây lại ướn? + Một số đặc điểm, tính chất của nước. + Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. + Không khí các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. + Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi. - Các mùa trong năm, đặc điểm đặc trưng của các mùa. - Các biểu hiện thời tiết bất thường do biến đổi khí hậu: Nóng nắng kéo dài, lốc xoáy, rét đậm rét hại...</p>
<p>MT 35: Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.</p>	<p>- Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể.</p>
<p>MT 36: Trẻ nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát. + Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu. - Trẻ có kiến thức ban đầu về khí hậu, thời tiết theo mùa.</p>	<p>- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. + Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. + So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 - 3 đồ dùng, đồ chơi. + Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 - 2 dấu hiệu. - Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1 - 2 dấu hiệu. - Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả</p>

	<p>gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người.</p> <ul style="list-style-type: none"> + So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả. + Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1 - 2 dấu hiệu. + Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. + Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây. - Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và đặc điểm từng mùa ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người. + Ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng + Sự khác nhau giữa ngày và đêm.
<p>MT 36A: Trẻ biết tiếng ồn của động cơ, PTGT xả khói, nước thải làm ô nhiễm môi trường; Biết bảo vệ động vật hoang dã; Biết một số động vật có nguy cơ tuyệt chủng và 1 số cách đơn giản để bảo vệ, phối hợp cùng bảo vệ.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Khói bụi từ các PTGT, các nhà máy...gây ô nhiễm môi trường không khí, khiến chúng ta khó thở, nguyên nhân dẫn đến một số bệnh về hô hấp, da liễu... - Không săn bắt, buôn bán động vật, không chặt phá rừng.
<p>MT 37: Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/ đường/muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Làm các thí nghiệm đơn giản dưới sự giúp đỡ của người lớn. + Một vài tính chất của đất, đá, cát sỏi. <p>Ví dụ: Thả vật vào nước để nhận biết tính chất.</p>
<p>MT 38: Trẻ nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: “Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/mặn hơn”</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: “Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/mặn hơn”
<p>MT 39: Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.
<p>MT 40:</p>	

Trẻ biết sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.	- Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.
MT 41: Trẻ thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	- Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...
Khám phá xã hội	
MT 42: Trẻ nói được tên và địa chỉ của trường, lớp. Tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường. Tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, địa chỉ của trường, lớp. Tên và một số công việc của cô giáo và các cô bác ở trường. - Nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp.
MT 43: Trẻ nói được họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện. Biết 1 số đặc điểm riêng biệt theo giới tính và những hành động không được xâm phạm.	- Họ tên, tuổi, giới tính, một số đặc điểm bên ngoài sở thích của bản thân. - Nhà vệ sinh, trang phục, kiểu tóc và vùng nhạy cảm riêng tư
MT 44: Trẻ nói được họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình. Nói được địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên, một số công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình, địa chỉ gia đình. - Biết được các kiểu nhà khác nhau, nhà là nơi để các thành viên trong gia đình ở.
MT 45: Trẻ biết kể tên và nói được công việc, công cụ, sản phẩm/ích lợi... của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên gọi, đặc điểm nổi bật, sản phẩm và ích lợi của nghề y. - Tên gọi, đặc điểm nổi bật sản phẩm và ích lợi của nghề nông. - Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của thợ mộc, thợ xây. - Tên gọi, đặc điểm nổi bật, ích lợi của nghề bộ

	đội.
MT 46: Trẻ có thể kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội.	<ul style="list-style-type: none"> - Ngày lễ hội của địa phương. - Ngày hội đến trường của bé. - Ngày tết trung thu. - Ngày hội quốc phòng toàn dân. - Múa hát mừng xuân. - Ngày vui của bà của mẹ. - Mừng sinh nhật Bác (19/5). - Vui tết thiếu nhi.
MT 47: Trẻ kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.	<ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước. - Trẻ thể hiện thích thú trước cái đẹp.
<i>Làm quen với toán</i>	
MT 48: Trẻ biết quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: bao nhiêu?; là số mấy?...	<ul style="list-style-type: none"> - Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: bao nhiêu? là số mấy?...
MT 49: Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10. + Sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự.	<ul style="list-style-type: none"> - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. - Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 1,2. - Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 3. - Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 4. - Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5.
MT 50: Trẻ biết so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	<ul style="list-style-type: none"> - Thêm bớt trong phạm vi 2. - Thêm bớt trong phạm vi 3. - Thêm bớt trong phạm vi 4. - Thêm bớt trong phạm vi 5.
MT 51: Trẻ biết tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn. + Trẻ biết gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm	<ul style="list-style-type: none"> - Tách, gộp trong phạm vi 2. - Tách, gộp trong phạm vi 3. - Tách, gộp trong phạm vi 4. - Tách, gộp trong phạm vi 5.

và nói kết quả.	
MT 52: Trẻ biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.
MT 53: Trẻ biết xếp tương ứng 1-1 và ghép đôi.	- Xếp tương ứng 1 – 1. - Ghép đôi.
MT 54: Trẻ nhận ra qui tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại.	- Phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc. - So sánh, sắp xếp thứ tự về chiều dài của 3 đối tượng. - So sánh, sắp xếp thứ tự về chiều rộng của 3 đối tượng. - So sánh, sắp xếp thứ tự về chiều cao của 3 đối tượng. - So sánh, sắp xếp thứ tự về độ lớn của 3 đối tượng.
MT 55: Trẻ sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo. - Đo độ dài các vật bằng 1 đơn vị đo. - Đo dung tích (thể tích) các vật (2 vật) bằng một đơn vị đo.
MT 56: Trẻ chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật...).	- Phân biệt hình tròn với hình chữ nhật, hình vuông, hình tam giác. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình tam giác với hình vuông. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông với chữ nhật.
MT 57: Biết sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	- Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu
MT 58: Trẻ nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian: Sử dụng lời nói và hành động để chỉ	- Xác định phía phải- phía trái của bản thân trẻ. - Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới).

vị trí của đồ vật so với người khác.	- Nhận biết phía trước- phía sau, phía trên- phía dưới của bạn khác. - Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân và so với bạn khác (phía trước/phía sau; phía trên/phía dưới).
MT 59: Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	- Nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối.
Phát triển ngôn ngữ	
MT 60: Trẻ thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: “Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng”.	- Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm. - Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu.
MT 61: Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ...	- Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc. - Các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng của đồ vật, đồ dùng, đồ chơi.
MT 62: Trẻ lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức. - Nghe hiểu nội dung chính của câu truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, phù hợp với độ tuổi.
MT 63: Nói rõ để người nghe có thể hiểu được.	- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó.
MT 64: Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu mở rộng.
MT 65: Trẻ sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.	- Trả lời và đặt các câu hỏi: Ai? Cái gì? Để làm gì? - Mô tả được một số sự vật, hiện tượng, tranh ảnh.

<p>MT 66: Trẻ biết kể lại được sự việc theo trình tự.</p>	<p>- Kể lại sự việc bằng một số tình tiết chính.</p>
<p>MT 67: Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...</p>	<p>- Đọc thơ, ca dao, đồng dao.</p>
<p>MT 68: Trẻ biết kể chuyện có mở đầu, kết thúc.</p>	<p>- Kể lại được nội dung chính về câu chuyện đã được nghe.</p>
<p>MT 69: Trẻ biết bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.</p>	<p>- Nói và thể hiện được một số cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. - Đóng kịch. (đơn giản, ngắn gọn, ít nhân vật)</p>
<p>MT 70: Trẻ biết sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp. Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở. Không nói tục, chửi bậy</p>	<p>- Sử dụng được một số từ biểu thị sự lễ phép. - Không nói tục chửi bậy khi giao tiếp với mọi người.</p>
<p>MT 71: Trẻ biết chọn sách để xem. Mô tả hành động của các nhân vật trong tranh. Cầm sách đúng chiều và giữ từng trang để xem tranh ảnh. “Đọc” sách theo tranh minh họa (đọc vẹt). - Trẻ có thể nhận dạng một số chữ cái.</p>	<p>- Xem một số sách khác nhau. - Đọc truyện qua các tranh vẽ. - Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh. Giữ gìn và bảo vệ sách. - Nhận dạng một số chữ cái. - Tập tô, tập đồ các nét chữ.</p>
<p>MT 72: Trẻ nhận ra ký hiệu thông thường trong cuộc sống: Nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm; biển báo giao thông: đường cho người đi bộ, cấm lửa...</p>	<p>- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống: Nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm; biển báo giao thông: đường cho người đi bộ...</p>
<p>MT 73: Trẻ sử dụng ký hiệu để viết tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng.</p>	<p>- Sử dụng ký hiệu để viết tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng.</p>

Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội	
<p>MT 74: Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính và cách ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân, biết được các nguy cơ bạo lực giới và xâm hại tình dục. Nói được tên bố, tên mẹ.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tên, tuổi, giới tính. - Dạy trẻ nhận diện các khu vực vùng riêng tư để tránh được các nguy cơ bạo lực giới và xâm hại tình dục. - Nhận diện được một số hành động bạo lực và xâm hại cơ thể: Chửi mắng, đe dọa, đánh đập, phạt, bỏ bê không quan tâm đến trẻ. Đụng chạm đến những vùng riêng tư trên cơ thể: Ngực, môi, mông, bộ phận đi vệ sinh,...
<p>MT 75: Trẻ nói được điều bé thích, không thích, đề xuất trò chơi, những việc gì bé có thể làm được.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất trò chơi và thể hiện sở thích, khả năng của bản thân.
<p>MT 76: Trẻ tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.
<p>MT 77: Trẻ biết cố gắng hoàn thành công việc được giao (trục nhật, dọn đồ chơi). (Vệ sinh cá nhân, rửa tay với xà phòng trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh; Dọn dẹp lau chùi đồ dùng đồ chơi, cùng cô vệ sinh lớp học; Trồng và chăm sóc cây xanh: tưới nước, bắt sâu, không bứt lá bẻ cành,...)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện công việc đơn giản được giao. - Chia giấy vẽ. - Chia đồ dùng, đồ chơi. - Xếp đồ dùng đồ chơi vào nơi qui định. - Thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc. - Thực hiện một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ, rửa tay trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh với xà phòng dưới vòi nước sạch...). - Tự giác thực hiện công việc được giao (Lau chùi đồ vật, quét, hút, đổ rác trong và ngoài lớp học...)
<p>MT 78: Trẻ nhận ra cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh.
<p>MT 79: Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói, trò chơi, hát, vận động, vẽ, nặn, xếp hình.

	- Biết kiềm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi.
MT 80: Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lắng Bác Hồ.	- Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lắng Bác Hồ. - Kính yêu Bác Hồ.
MT 81: Trẻ thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	- Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ. - Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.
MT 82: Thể hiện sự thích thú trước cái đẹp. Trẻ biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước. - Thể hiện sự thích thú, vui tươi, biểu hiện cảm xúc trước cái đẹp.
MT 83: Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ.	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ. - Đến những nơi công cộng biết giữ trật tự chung không làm ồn. - Vâng lời người lớn. Xin phép ông bà, bố mẹ, người lớn khi muốn đi chơi.
MT 84: Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép. Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói.	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép. - Chào hỏi, xưng hô lễ phép với người lớn mà không đợi nhắc nhở; Nói lời cảm ơn khi được giúp đỡ hoặc cho quà; Xin lỗi khi có hành vi không phù hợp gây ảnh hưởng đến người khác. - Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình. - Quan tâm, giúp đỡ bạn.
MT 85: Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	- Có ý thức chờ đợi tuần tự trong khi tham gia các hoạt động. - Biết nhắc nhở các bạn chờ đến lượt: Nhắc các bạn xếp hàng, đề nghị các bạn không được tranh lượt...

<p>MT 86: Trẻ biết quan tâm đến môi trường thích chăm sóc cây, con vật quen thuộc. Không bẻ cành ngắt hoa. Bỏ rác đúng nơi quy định, biết phân loại rác thải theo quy định.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối. - Giữ gìn vệ sinh môi trường. - Quan tâm, hỏi han về sự phát triển, cách chăm sóc cây, các con vật quen thuộc. - Thích được tham gia tưới, nhổ cỏ, lau lá cây; cho các con vật quen thuộc ăn, vuốt ve, âu yếm các con vật nhỏ... - Chặt phá rừng gây nhiều tác hại đến môi trường sống: Mất cây- nguồn tạo ô xi, nguyên nhân gây sạt lở đất. - Biết phân loại rác thải đúng quy định. (các loại rác thải vô cơ: túi lilon, đồ nhựa...là những chất khó phân hủy, gây ô nhiễm môi trường, gây tăng thêm các nguy cơ biến đổi KH)
<p>MT 87: Trẻ biết không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng. - Trẻ biết tiêu thụ nhiều điện, giấy, nước, vật dụng, đặc biệt là vật tư tiêu hao làm ô nhiễm môi trường.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tiết kiệm điện, nước. - Một số biểu hiện thời tiết thất thường do biến đổi khí hậu: Nắng nóng kéo dài, mưa bão bất thường và hay xảy ra; giông tố, lốc xoáy, lũ lụt kéo dài, rét đậm rét hại, băng giá.
Phát triển thẩm mỹ	
<i>Âm nhạc</i>	
<p>MT 88: Trẻ vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bộc lộ được một số cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống.
<p>MT 89: Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ...</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.
<p>MT 90:</p>	

Trẻ biết vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa).	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.
MT 91: Trẻ chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc.	- Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca).
MT 92: Trẻ lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc. + Trẻ biết lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.	- Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc. - Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát.
MT 93: Biết chơi các trò chơi âm nhạc.	- Trò chơi âm nhạc.
Tạo hình	
MT 94: Trẻ thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	- Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.
MT 95: Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	- Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu: Vỏ chai, hộp, các đồ chơi có nguồn gốc tự nhiên: lá cây, thân cây, hạt hạt, sỏi đá,... để tạo ra các sản phẩm tạo hình.
MT 96: Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục. Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	- Sử dụng các kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét. - Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét.
MT 97:	

Trẻ biết xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục. Biết nhận xét các sản phẩm tạo hình.	- Sử dụng các kỹ năng cắt, xé dán để tạo ra sản phẩm có màu sắc, bố cục. - Nhận xét sản phẩm tạo hình.
MT 98: Trẻ biết làm lồm, dõ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết. Biết nhận xét sản phẩm.	- Sử dụng các kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết. - Nhận xét sản phẩm tạo hình.
MT 99: Trẻ nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Tạo hình theo ý thích.
MT 100: Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.	- Sử dụng các kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.

2.3 Chương trình giáo dục 5 tuổi

Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
Phát triển thể chất	
MT1: Trẻ thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp	- Thể dục buổi sáng - Tập các động tác phát triển các nhóm cơ: hô hấp, tay, lưng, bụng, lườn, chân. - Tập bài phát triển chung theo nhịp đếm, theo nhạc, lời ca phù hợp với độ tuổi, chủ đề
MT2: Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: Đi lên, xuống ván dốc dài (2m rộng 0,3m) một đầu kê cao 0,3m. Đi trên ghế thể dục không làm rơi vật đội trên đầu.	- Đi trên dây (dây đặt trên sàn), đi trên ván kê dốc. - Đi nổi bàn chân tiến lùi. - Đi dòn trước, dòn ngang trên ghế TD. - Đi trên ghế TD đầu đội túi cát - Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khụy gối
MT3: Trẻ biết giữ thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: Đứng một chân và giữ thăng bằng trong vòng 10 giây.	- Nhảy lò cò 5 m. - Nhảy lò cò ít nhất 5 bước liên tục về phía trước. - Thực hiện đổi chân luân phiên khi có yêu

	<p>cầu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không dừng lại hoặc không bị ngã khi đổi chân.
<p>MT4: Trẻ kiểm soát và thực hiện đúng được vận động: Đi/ chạy thay đổi hướng vận động theo hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đi/ chạy thay đổi hướng vận động theo hiệu lệnh (Đổi hướng ít nhất 3 lần). - Đi thay đổi hướng theo hiệu lệnh theo hiệu lệnh - Chạy thay đổi hướng, tốc độ theo hiệu lệnh
<p>MT5: Trẻ biết phối hợp tay mắt trong vận động: Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4m); Đi, đập và bắt được bóng nảy 4 -5 lần liên tiếp.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tung bóng lên cao và bắt. - Chuyển bóng qua đầu, qua chân. - Tung, đập bắt bóng tại chỗ. - Đi và đập bắt bóng.
<p>MT6: Trẻ biết phối hợp tay mắt, sự khéo léo trong vận động: Ném trúng đích đứng, Đích ngang (xa 2mx1,5m)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Ném trúng đích thẳng đứng bằng 1 tay, 2 tay - Ném trúng đích nằm ngang bằng 1 tay, 2 tay - Ném xa bằng 1 tay, 2 tay.
<p>MT7: Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh trong thực hiện bài tập: Chạy liên tục 18m trong 10 giây.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Chạy được 18m liên tục trong vòng 10 giây. - Chạy chậm khoảng 100-120m. - Chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian.
<p>MT8: Trẻ biết bật nhảy thể hiện sức mạnh, khéo một cách tự tin và mạnh dạn.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bật xa 40-50 cm. - Bật liên tục vào vòng - Bật tách chân, khép chân qua 7 ô - Bật nhảy từ trên cao xuống (40- 45 cm). - Bật qua vật cản cao 15-20 cm.
<p>MT9: Trẻ thể hiện sự nhanh nhẹn, khéo léo, biết phối hợp tay chân để thực hiện vận động bò, trườn, trèo.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bò bằng bàn tay và bàn chân 4m-5m - Bò theo đường đích dắc qua 7 điểm - Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m. - Trườn sấp kết hợp trèo qua ghế thể dục dài 1,5m x 30cm. - Trèo lên xuống thang 7 giống
<p>MT10: Trẻ thể hiện được các vận động</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Uốn ngón tay, bàn tay, xoay cổ tay - Gập, mở lần lượt từng ngón tay
<p>MT11:</p>	

<p>Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ trong một số hoạt động:</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số - Cắt được theo đường viền của hình vẽ. - Xếp chồng 12 – 15 khối theo mẫu. - Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu. - Tự cài, cởi cúc, xâu dây giày, cởi quai dép, kéo khóa .
<p>MT12: Trẻ biết lựa chọn một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm: + Thực phẩm giàu chất đạm; Thịt, cá.... + Thực phẩm giàu vi ta min và muối khoáng: rau, quả. + Thực phẩm giàu chất bột đường: gạo, ngô, khoai... + Thực phẩm giàu chất béo: giàu, mỡ, bơ...
<p>MT13: Trẻ có kiến thức ban đầu về mối liên hệ giữa cơ thể và môi trường sống; Biết cách ăn uống hợp vệ sinh, đảm bảo sức khỏe. Biết nói tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ thể cần nước uống, lương thực, thực phẩm để sống và lớn lên. - Môi trường cung cấp lương thực, thực phẩm cho con người. - Nói được tên một số món ăn hàng ngày. - Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn thức uống. - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).
<p>MT14: Trẻ thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tập chải đầu tóc - Biết mặc quần áo, giữ gìn quần áo sạch sẽ gọn gàng - Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. - Đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong dội/ giặt nước cho sạch.
<p>MT15: Trẻ biết sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Biết sử dụng đồ dùng ăn uống thành thạo như: cầm bát, thìa, xúc cơm, thức ăn gọn gàng không rơi vãi, cầm cốc uống nước...
<p>MT16:</p>	

<p>Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống;</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường. <p>Biết ăn chín uống sôi, không ăn thức ăn không rõ nguồn gốc.</p>
<p>MT17: Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh; Sử dụng đồ dùng cá nhân, không dùng đồ của người khác; Mặc quần áo, trang phục phù hợp với thời tiết để bảo vệ sức khỏe.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe: Vệ sinh răng miệng sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy; Ra nắng đội mũ nón; Đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh. - Phân biệt được đồ dùng cá nhân của mình để sử dụng, không dùng chung ca cốc, khăn mặt, bàn chải đánh răng. - Ích lợi của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người; Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt; Che miệng khi ho, hắt hơi; Đi vệ sinh đúng nơi qui định; Bỏ rác đúng nơi qui định, không nhổ bậy ra lớp.
<p>MT18: Trẻ nhận biết được những vật gây nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc nhọn</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật nguy hiểm đến tính mạng. - Gọi tên một số đồ vật gây nguy hiểm: bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng, dao, kéo.... - Không sử dụng những đồ vật dễ gây nguy hiểm để chơi khi không được người lớn cho phép.
<p>MT19: Trẻ không chơi những nơi mất vệ sinh, nguy hiểm</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Không chơi ở gần hồ, ao - Không chơi ở những nơi có nhiều cống rãnh.
<p>MT20: Trẻ nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh:</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Biết cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt để bị hóc sặc,.... - Biết không tự ý uống thuốc. - Biết ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe.
<p>MT21: Trẻ nhận biết được một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Dạy trẻ cách nhận biết một số biểu hiện khi bị ốm - Dạy trẻ ăn uống đầy đủ chất, vệ sinh

tránh	sạch sẽ để phòng tránh bệnh tật
<p>MT22:</p> <p>Trẻ nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ có kỹ năng phát hiện và phòng tránh một số HT thời tiết không an toàn: Lũ lụt, giông bão, hỏa hoạn,..... - Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: Cháy, có bạn/người rơi xuống nước, ngã chảy máu ... - Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ + Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. + Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo
<p>MT23A:</p> <p>Trẻ thực hiện đúng một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. - Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. - Không leo trèo cây, ban công, tường rào...
<p>MT23B:</p> <p>Trẻ biết tiếng ồn của động cơ, PTGT xả khói, khói bụi từ các nhà máy và nước thải làm ô nhiễm môi trường; Biết bảo vệ động vật hoang dã; Biết một số động vật có nguy cơ tuyệt chủng và 1 số cách đơn giản để bảo vệ, phối hợp cùng bảo vệ.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Khói bụi từ các PTGT, các nhà máy...gây ô nhiễm môi trường (Đặc biệt là MT không khí), khiến chúng ta khó thở, nguyên nhân dẫn đến một số bệnh về hô hấp, da liễu... - Giáo dục trẻ về việc tuyên truyền không sử dụng, tiêu thụ động vật hoang dã, sản phẩm có nguồn gốc từ động vật hoang dã (mật gấu, nhung hươu,...)
Phát triển nhận thức	
<p>MT24:</p> <p>Trẻ nói được một số thông tin quan trọng về trường lớp mầm non, cộng đồng.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Những đặc điểm nổi bật của trường, lớp công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường. - Nói họ tên và đặc điểm, sở thích của các bạn các hoạt động của trẻ ở trường. - Vị trí trách nhiệm của bản thân trong gia đình và trong lớp học
<p>MT25:</p> <p>Trẻ nói được một số thông tin quan trọng về bản thân: Tuổi, giới tính, sở thích. Các bộ phận trên cơ thể.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nói đúng họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ ở gia đình.

	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể.
<p>MT26 :</p> <p>Trẻ nói được một số thông tin quan trọng về gia đình Nói tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; - Biết quy mô gia đình(Gia đình nhỏ ,gia đình lớn). Nhu cầu của gia đình. - Nói địa chỉ gia đình mình (Số nhà, đường phố, thôn, xóm), số điện thoại khi được hỏi. - Vị trí của mình trong gia đình: Là con, cháu hay anh, chị, em ...trong gia đình...
<p>MT27:</p> <p>Trẻ tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: Tại sao có mưa?...</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: Tại sao có mưa?... - Thích tìm hiểu cái mới (đồ chơi, đồ vật, trò chơi, hoạt động mới) - Hay đặt câu hỏi: “tại sao?”.
<p>MT28:</p> <p>Trẻ biết phối hợp các giác quan để quan sát, nhận xét, thảo luận, làm thử thí nghiệm về sự vật, hiện tượng, biết thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng đồ chơi. - Đặc điểm công dụng của một số PTGT - Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả. - Các nguồn nước trong môi trường sống. - Một vài đặc điểm, tính chất của đất đá, cát, sỏi.
<p>MT29:</p> <p>Trẻ biết phân loại một số đồ dùng, đồ chơi, hoa, quả, con vật, phương tiện giao thông... theo những dấu hiệu khác nhau.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng. - Phân loại đồ dùng, đồ chơi, hoa, quả, con vật, phương tiện giao thông... theo 2-3 dấu hiệu.
<p>MT30:</p> <p>Trẻ nhận biết một số nghề phổ biến của địa phương, đặc điểm của nghề, sự khác nhau của một số nghề.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương. - Nghề giáo viên - Nghề làm ruộng: - Nghề thợ xây, thợ mộc

	<ul style="list-style-type: none"> - Một số nghề phổ biến trong xã hội - Nghề bộ đội - Nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. Ví dụ: nói “Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới
<p>MT31: Trẻ biết tìm hiểu các sự vật hiện tượng qua tranh ảnh; phân loại sự vật hiện tượng theo dấu hiệu khác nhau</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: Xem sách, tranh ảnh, băng hình, trò chuyện, thảo luận.
<p>MT32: Trẻ thể hiện hiểu biết của mình về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình.....</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình.....
<p>MT33: Trẻ có kiến thức ban đầu về khí hậu, thời tiết theo mùa; Nói được những đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ sống.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa trong năm, đặc điểm từng mùa. - Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa.
<p>MT34: Trẻ biết nhận xét mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Mối quan hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Sự khác giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng. - Chú ý quan sát và dự đoán hiện tượng có thể xảy ra tiếp theo (VD: trời sẽ mưa vì giá to và có nhiều đám mây đen) - Ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật, cây. - Một số đặc điểm, tính chất của nước - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó đối với đời sống con người, con vật, cây.
<p>MT35: Trẻ đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. Nhận biết con số từ 5-10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng số, thứ tự. Biết so sánh, thêm bớt, tạo sự bằng nhau số lượng của 2 hoặc 3 nhóm đối tượng trong phạm vi</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đếm đến 10, nhận biết các chữ số, số lượng, số thứ tự trong phạm vi 10. - Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe...). - Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan.

10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn, nhiều nhất, ít nhất.	- So sánh số lượng của 3 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: Bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.
MT36: Trẻ biết gộp, tách một nhóm có số lượng trong phạm vi 10 thành 2(3) nhóm bằng các cách khác nhau và đếm. So sánh số lượng của các nhóm đối tượng và nói được kết quả: Bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất	- Gộp/tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm.
MT37: Trẻ biết sử dụng một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả đo.	- Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau. - Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo. - Đo dung tích các vật so sánh diễn đạt kết quả đo
MT38: Trẻ biết gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa 2 khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật.	- Nhận biết gọi tên khối cầu, khối trụ, khối chữ nhật, khối vuông - Phân biệt các khối khối cầu, khối trụ khối chữ nhật, khối vuông - Nhận dạng các khối hình đó trong thực tế.
MT39: Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn.	- Xác định vị trí của đồ vật (trước – sau – trên – dưới- phải – trái) so với bản thân trẻ, so với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.
MT40: Trẻ định hướng được thời gian.	- Gọi đúng tên các ngày trong tuần - Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai - Thời gian trong ngày: Sáng, trưa, chiều, tối; nhịp sinh học (thay đổi của cơ thể trong ngày)
MT41: Trẻ nhận biết được các hình, biết ghép tạo ra các hình hình học.	- Chắp ghép các hình hình học để tạo ra các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu. - Tạo ra các hình hình học bằng các cách khác nhau.
MT42: Trẻ giải quyết vấn đề đơn giản bằng	- Có cách thực hiện công việc theo cách

các cách khác nhau	riêng của mình. - Đạt được kết quả công việc.
MT43: Trẻ biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định	- So sánh phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc (Nhận ra qui tắc sắp xếp (mẫu) và sắp xếp theo qui tắc, biết cách sao chép lại). - Tạo ra quy tắc sắp xếp (Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp) - So sánh, sắp xếp chiều rộng, chiều cao của 3 đối tượng.
MT44: Trẻ nghe hiểu và thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể.	- Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu liên tiếp. - Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: “tại sao?”; “Có gì giống nhau?”; “Có gì khác nhau?”; “Do đâu mà có”...
MT45: Trẻ hiểu nghĩa một số từ khái quát chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản gần gũi: PTGT, động vật, thực vật, đồ dùng...	- Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa. - Thực hiện lựa chọn các vật, hiện tượng theo tập hợp nhóm theo yêu cầu, VD: chọn (tranh ảnh, vật thật) rau muống, rau cải, bắp cải, củ cải... vào nhóm rau củ.
MT46: Trẻ biết kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được	- Kể lại sự việc theo trình tự logic nhất định về một sự việc, hiện tượng mà trẻ biết hoặc nhìn thấy. - Chú ý đến thái độ của người nghe để kể chậm lại hay giải thích lại lời kể của mình khi người khác nghe chưa rõ. - Kể chuyện đã được nghe theo trình tự. - Kể lại sự việc theo trình tự.
Phát triển ngôn ngữ	
MT47: Trẻ biết nghe, hiểu và sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...phù hợp với ngữ cảnh. Dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, phủ định, câu mệnh lệnh...Trả lời được câu hỏi rõ ràng, không nói ngọng, nói lắp.	- Nghe hiểu nội dung câu đơn, câu mở rộng, câu phức - Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng. - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau. - Trả lời được câu hỏi rõ ràng, không nói ngọng, nói lắp.
MT48: Trẻ thích nghe, hiểu biết miêu tả sự việc với một số thông tin và hành động,	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.

<p>tính cách, trạng thái... của nhân vật. Biết đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao...</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp độ tuổi. - Đọc thuộc và biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao theo chủ đề.
<p>MT49: Trẻ đóng được vai của nhân vật trong truyện</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ nhập vai các nhân vật trong truyện để kể lại chuyện. - Đóng kịch.
<p>MT50: Trẻ biết sử dụng một số “ Cảm ơn”; “ Xin lỗi” “ Xin phép”; “Dạ”; “Thưa” ; “ Vâng”...phù hợp với tình huống. Không nói tục, chửi bậy.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng một số từ đơn giản để giao tiếp với bạn bè và người lớn hơn như: “xin chào”, tạm biệt, cảm ơn; cháu chào cô ạ, tạm biệt bác ạ; con cảm ơn mẹ ạ; bố có mệt không ạ; cháu kính chúc ông bà mạnh khỏe... - Không nói tục chửi bậy khi giao tiếp với mọi người.
<p>MT51: Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe ý kiến người nói và biết điều chỉnh giọng nói khi giao tiếp. - Tự điều chỉnh giọng nói ngữ điệu phù hợp với hoàn cảnh và nhu cầu giao tiếp. - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
<p>MT52: Trẻ biết chọn sách để đọc và xem, biết cách đọc sách từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu đến cuối sách.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Thích chơi ở góc sách. - Nhờ người lớn đọc những câu chuyện trong sách cho nghe hoặc nhờ người lớn giải thích những tranh, những chữ chưa biết. - Nhận ra tên những cuốn sách, truyện đã xem. - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. - Cầm sách đúng chiều, lật giở từng trang sách từ trái qua phải, đọc, đưa mắt hoặc tay chỉ theo chữ từ trái qua phải, trên xuống dưới. - “Đọc” truyện qua các tranh vẽ. - Chỉ vào chữ dưới tranh minh họa và “đọc” thành tiếng (theo trí nhớ) để “đọc” thành một câu chuyện với nội dung phù hợp từng tranh minh họa.

	<ul style="list-style-type: none"> - Làm quen với cách đọc và viết tiếng việt.
<p>MT53: Trẻ biết kể chuyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân. Biết kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhìn vào tranh vẽ trong sách, trẻ có thể nói được nội dung mà tranh minh họa. - Nói được thứ tự của sự việc, các bức tranh và có thể kể được nội dung chính của câu truyện qua tranh vẽ. - Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh. - Kể chuyện sáng tạo - Kể chuyện theo kinh nghiệm.
<p>MT54: Trẻ nhận ra ký hiệu thông thường: Nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra- vào, cấm lửa, biển báo giao thông...</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ...)
<p>MT55: Trẻ biết nhận dạng chữ cái trong bảng chữ cái tiếng việt.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận dạng các chữ cái. - Nhận dạng được các chữ cái viết thường hoặc viết hoa và phát âm đúng các âm của chữ cái đã được học.
<p>MT56: Trẻ biết tô, đồ các nét chữ, sao chép một số ký hiệu, chữ cái, tên của mình.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình. - Dùng các dụng cụ để viết vẽ khác nhau - Biết bắt trước hành vi viết trong vui chơi và hoạt động hàng ngày. - Biết sao chép các từ, chữ cái theo trật tự - Tập tô các nét cơ bản. - Biết viết tên theo cách của mình - Biết tô các nét theo đúng thứ tự từ trái qua phải - Biết tô màu theo đúng thứ tự từ trên xuống dưới
<p>MT57: Trẻ có hành vi giữ gìn, bảo vệ sách.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Giữ gìn, bảo vệ sách: Cầm sách cẩn thận. - Để sách đúng nơi quy định sau khi sử dụng. - Nhắc nhở hoặc không đồng tình khi bạn làm rách sách. - Không vẽ bậy nên vở, không làm nhàu nhãn sách

Phát triển tình cảm xã hội

<p>MT58: Trẻ nói được điều mình thích, không thích, những việc làm được và việc gì không làm được. Biết đề xuất các trò chơi và hoạt động thể hiện sở thích và khả năng của bản thân.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nói được sở thích của bản thân, ví dụ: Con thích chơi bán hàng/ thích đá bóng, thích nghe kể chuyện, không thích ăn cá...Con thích đóng vai cô kỹ sư xây dựng - Nói được khả năng của bản thân, ví dụ: Con có thể bê được cái ghế kia, nhưng con không thể bê được cái bàn này vì nó nặng lắm / vì con còn bé quá...).
<p>MT59: Trẻ nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng). Có ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân. Nhận diện được các hành động bạo lực và xâm hại cơ thể.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm giống và khác nhau của mình với người khác. - Đặc điểm, trang phục, sở thích của các bạn. - Nhận ra được một số hành vi ứng xử cần có, sở thích có thể khác nhau giữa bạn trai và bạn gái, ví dụ: Bạn gái cần nhẹ nhàng trong khi nói, đi đứng, bạn trai cần phải giúp đỡ các bạn gái bê bàn, xách đồ nặng...; bạn trai thích chơi đá bóng, bạn gái thích chơi búp bê... - Nhận biết được một số khả năng của bạn bè. - Nhận diện được một số hành động bạo lực và xâm hại cơ thể: Chửi mắng, đe dọa, đánh đập, phạt, bỏ bê không quan tâm đến trẻ. Đụng chạm đến những vùng riêng tư trên cơ thể: Ngực, bộ phận đi vệ sinh,... - Hiểu được giá trị của thân thể, tính mạng của bản thân.
<p>M60: Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức. Sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Vâng lời ông bà, bố mẹ, cô giáo và người lớn trong gia đình. - Chủ động giúp đỡ người thân, cô giáo những việc vừa sức của mình. - Sẵn sàng, nhiệt tình giúp đỡ ngay khi người lớn yêu cầu hoặc khi người khác gặp khó khăn.
<p>MT61: Trẻ tự làm một số việc đơn giản hằng ngày (Vệ sinh cá nhân, rửa tay với xà phòng trước khi ăn và sau khi đi vệ</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ động và độc lập trong một số hoạt động: Tự cất và lấy đồ dùng cá nhân,... - Thực hiện một số quy định ở lớp, gia

<p>sinh; Dọn dẹp lau chùi đồ dùng đồ chơi, cùng cô vệ sinh lớp học; Trồng và chăm sóc cây xanh: tưới nước, bắt sâu, không bứt lá bẻ cành,...)</p>	<p>đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ, rửa tay trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh với xà phòng dưới vòi nước sạch...).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tự giác thực hiện công việc được giao (Lau chùi đồ vật, quét, hút, đổ rác trong và ngoài lớp học...) - Cách trồng, chăm sóc cây, tưới cây,...
<p>MT62: Trẻ cố gắng tự hoàn thành công việc được giao</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện công việc được giao trực nhật, xếp dọn đồ chơi...mà không cần sự giúp đỡ của người lớn. - Tự hoàn thành công việc được giao.
<p>MT63: Trẻ nhận biết được một số trạng thái cảm xúc qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được một số trạng thái, cảm xúc (vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ) của người khác qua nét mặt, cử chỉ, điệu bộ khi tiếp xúc trực tiếp hoặc qua tranh ảnh, âm nhạc.
<p>MT64: Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu của bản thân phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.. - Mỗi quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác. - Thể hiện những trạng thái cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận phù hợp với tình huống qua lời nói/ cử chỉ/ nét mặt.
<p>MT65: Trẻ biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Mỗi quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác. - Yêu quý, quan tâm đến người thân trong gia đình, bạn bè. - Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.
<p>MT66: Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn liền với hoạt động của bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...); Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Kính yêu Bác Hồ. - Nhận ra hình ảnh về Bác Hồ. - Biết và kể tên một số địa điểm gắn liền với Bác: chỗ ở, nơi làm việc, quê hương nơi Bác sinh ra...

	<ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện tình cảm yêu quý Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác.
<p>MT67: Thể hiện sự thích thú trước cái đẹp Trẻ biết và kể được một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương, của địa phương...</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện sự thích thú, vui tươi, biểu hiện cảm xúc trước cái đẹp. - Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước. - Kể tên được một số địa điểm, cảnh đẹp của quê hương, địa phương.... - Biết về một vài di tích lịch sử, lễ hội truyền thống của quê hương, đất nước
<p>MT68: Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường) - Đến những nơi công cộng biết giữ trật tự chung không làm ồn. - Vâng lời người lớn. Xin phép ông bà, bố mẹ, người lớn khi muốn đi chơi.
<p>MT69: Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự. - Biết thực hiện các quy tắc trong sinh hoạt hằng ngày: Chào hỏi, xưng hô lễ phép với người lớn mà không đợi nhắc nhở; Nói lời cảm ơn khi được giúp đỡ hoặc cho quà; Xin lỗi khi có hành vi không phù hợp gây ảnh hưởng đến người khác.
<p>MT70: Trẻ chú ý nghe cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận. - Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự. - Không ngắt ngang lời khi người khác đang nói.
<p>MT71: Trẻ biết chờ đến lượt.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Có ý thức chờ đợi tuần tự trong khi tham gia các hoạt động. - Biết nhắc nhở các bạn chờ đến lượt: Nhắc các bạn xếp hàng, đề nghị các bạn không được tranh lượt...
<p>MT72:</p>	

<p>Trẻ biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn. Dễ hòa đồng với bạn bè trong nhóm chơi.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Quan tâm, giúp đỡ bạn bè. - Trình bày ý kiến của mình với các bạn. - Trao đổi để thỏa thuận với các bạn và chấp nhận thực hiện theo ý kiến chung. - Khi trao đổi, thái độ bình tĩnh tôn trọng lẫn nhau, không nói cắt ngang khi người khác đang trình bày. - Dễ hòa đồng với bạn bè trong nhóm chơi.
<p>MT 73: Trẻ biết tìm cách giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Biết giải quyết mâu thuẫn giữa mình với các bạn trong nhóm. - Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “đúng” – “sai”, “tốt” – “xấu” - Biết tìm sự hỗ trợ từ người khác. - Biết cách trình bày để người khác giúp đỡ. - Chấp hành và thực hiện sự phân công của người điều hành với thái độ sẵn sàng, vui vẻ.
<p>MT74: Trẻ thích chăm sóc cây, con vật quen thuộc.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Quan tâm, hỏi han về sự phát triển, cách chăm sóc cây, các con vật quen thuộc. - Thích được tham gia tưới, nhổ cỏ, lau lá cây; cho các con vật quen thuộc ăn, vuốt ve, âu yếm các con vật nhỏ...
<p>MT75: Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định; Biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa); Biết đồ nhựa (túi lilon, đồ dùng làm từ nhựa) gây ô nhiễm môi trường rất nặng nề.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Có ý thức giữ gìn vệ sinh chung, bỏ rác đúng nơi quy định, không vứt rác bừa bãi, biết phân loại rác thải đúng quy định. (các loại rác thải vô cơ: túi lilon, đồ nhựa...là những chất khó phân hủy, gây ô nhiễm môi trường, gây tăng thêm các nguy cơ biến đổi KH) - Nhắc nhở người thân và mọi người xung quanh giữ gìn, bảo vệ môi trường: Không vứt rác bừa bãi, không bẻ cành, hái hoa, giữ gìn vệ sinh nơi công cộng...
<p>MT76: Trẻ biết tiêu thụ nhiều điện, giấy, nước, vật dụng, đặc biệt là vật tư tiêu hao làm ô nhiễm môi trường. Biết tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Một số biểu hiện thời tiết thất thường do biến đổi khí hậu: Nắng nóng kéo dài, mưa bão bất thường và hay xảy ra; giông tố, lốc xoáy, lũ lụt kéo dài, rét đậm rét hại, băng giá.

dùng, không để thừa thức ăn.	<ul style="list-style-type: none"> - Chặt phá rừng gây nhiều tác hại đến môi trường sống: Mất cây- nguồn tạo ô xi, nguyên nhân gây sạt lở đất. - Tiết kiệm điện, nước, khi ra khỏi phòng phải tắt điện, tắt quạt, khóa vòi nước sau khi dùng. - Ăn hết suất, không để thừa thức ăn.....
Phát triển thẩm mỹ	
<p>MT77: Trẻ tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, đánh điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc. - Ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
<p>MT78: Trẻ chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe và nhận biết các loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển). - Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc.
<p>MT 79: Trẻ thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dạng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.
<p>MT80: Trẻ biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.
<p>MT81: Trẻ biết vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.
<p>MT82: Trẻ biết tận dụng đồ vật, vật liệu có sẵn trong tự nhiên, phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm, đồ chơi.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu: Vỏ chai, hộp, các đồ chơi có nguồn gốc tự nhiên: lá cây, thân cây, hạt hạt, sỏi đá,... để tạo ra các sản phẩm tạo hình.

MT83: Trẻ biết phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	- Phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.
MT 84: Trẻ biết phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	- Phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.
MT 85: Trẻ biết phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.	- Phối hợp các kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm có kích thước, hình dáng và bố cục.
MT86: Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	- Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc, bố cục.
MT87: Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục.
MT88: Trẻ tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích; Gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.	- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích. - Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn)
MT89: Trẻ nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích; Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích. - Nói lên ý tưởng tạo hình của mình.

IV. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Tổ 5 tuổi

STT	Dự kiến chủ đề	Số tuần	Thời gian thực hiện
1	Trường mầm non	3	
	- Trường mầm non của bé	1	09/9 – 13/09/2024
	- Bé vui Tết Trung Thu - Lớp học của bé	1 1	16/09 – 20/09/2024 23/09 – 27/09/2024
2	Bản thân	3	
	- Tôi là ai?	1	30/9 – 04/10/2024
	- Cơ thể tôi - Tôi cần gì để lớn lên và khỏe mạnh	1 1	07/10 – 11/10/2024 14/10 – 18/10/2024

3	Gia đình	4	
	- Gia đình tôi.	1	21/10 – 25/10/2024
	- Ngôi nhà gia đình ở	1	28/10 – 01/11/2024
	- Họ hàng của gia đình	1	04/11 – 08/11/2024
	- Đồ dùng gia đình	1	11/11 – 15/11/2024
4	Một số nghề	5	
	- Nghề giáo viên	1	18/11 – 22/11/2024
	- Nghề sản xuất (Nghề nông)	1	25/11 – 29/11/2024
	- Nghề phổ biến quen thuộc (nghề XD)	1	02/12 – 06/12/2024
	- Nghề dịch vụ	1	09/12 – 13/12/2024
	- Nghề bộ đội	1	16/12 – 20/12/2024
5	Thế giới động vật	4	
	- Một số con vật nuôi trong gia đình	1	23/12 - 27/12/2024
	- Một số con vật sống trong rừng	1	30/12 – 03/01/2025
	- Một số con vật sống dưới nước	1	06/01 – 10/01/2025
	- Một số côn trùng	1	13/01 – 17/01/2025
6	Tết và mùa xuân	3	
	- Tết Nguyên đán	1	20/01 – 24/01/2025
	- Ôn tập và nghỉ tết	1	27/01 – 07/02/2025
	- Mùa xuân	1	10/02 – 14/02/2025
7	Thế giới thực vật	4	
	- Cây xanh và môi trường sống.	1	17/02 – 21/02/2025
	- Một số loại rau.	1	24/02 – 28/02/2025
	- Một số loại hoa.	1	03/03 – 07/03/2025
	- Một số loại quả.	1	10/03 – 14/03/2025
8	Giao thông	2	
	- Một số phương tiện giao thông phổ biến.	1	17/03– 21/03/2025
	- Một số luật lệ giao thông phổ biến.	1	24/03 – 28/03/2025
9	Nước và một số hiện tượng TN	3	
	- Giọt nước tí xíu	1	31/03 – 04/04/2025
	- Một số hiện tượng tự nhiên	1	07/04 – 11/04/2025
	- Các mùa trong năm	1	14/04 – 18/04/2025
10	Quê hương - đất nước	2	
	- Quê hương thân yêu	1	21/04 – 25/04/2025
	- Đất nước Việt Nam diệu kỳ	1	28/04 – 02/05/2025
11	Trường Tiểu học- Bác Hồ	3	

	- Trường Tiểu học	1	05/05 – 09/05/2025
	- Bé chuẩn bị vào lớp 1.	1	12/05 – 16/05/2025
	- Bác Hồ kính yêu	1	19/05 – 23/05/2025

2. Tổ 4 tuổi

STT	Dự kiến chủ đề	Số tuần	Thời gian thực hiện
1	Trường mầm non	3	
	- Trường mầm non của bé	1	09/9 – 13/09/2024
	- Bé vui Tết Trung Thu	1	16/09 – 20/09/2024
	- Lớp học của bé		23/09 – 27/09/2024
2	Bản thân	3	
	- Tôi là ai?	1	30/9 – 04/10/2024
	- Cơ thể tôi	1	07/10 – 11/10/2024
	- Tôi cần gì để lớn lên và khỏe mạnh	1	14/10 – 18/10/2024
3	Gia đình	4	
	- Gia đình tôi.	1	21/10 – 25/10/2024
	- Ngôi nhà gia đình ở	1	28/10 – 01/11/2024
	- Đồ dùng gia đình	1	04/11 – 08/11/2024
	- <i>Nhu cầu gia đình.</i>	1	11/11 – 15/11/2024
4	Một số nghề	5	
	- Nghề giáo viên	1	18/11 – 22/11/2024
	- Nghề cắt tóc, làm đẹp	1	25/11 – 29/11/2024
	- Nghề thợ mộc thợ xây	1	02/12 – 06/12/2024
	- Nghề bác sĩ	1	09/12 – 13/12/2024
	- Nghề bộ đội	1	16/12 – 20/12/2024
5	Thế giới động vật	4	
	- Động vật nuôi trong gia đình	1	23/12 - 27/12/2024
	- Động vật sống dưới nước	1	30/12 – 03/01/2025
	- Động vật sống trong rừng	1	06/01 – 10/01/2025
	- Côn trùng	1	13/01 – 17/01/2025
6	Tết và mùa xuân	3	
	- Tết Nguyên đán	1	20/01 - 24/01/2025
	- Ôn tập và nghỉ tết	1	27/01- 07/02/2025
	- Mùa xuân	1	10/02 – 14/02/2025

7	Thế giới thực vật - Cây xanh và môi trường sống. - Một số loại rau. - Một số loại hoa. - Một số loại quả.	4 1 1 1 1	17/02 – 21/02/2025 24/02 – 28/02/2025 03/03 – 07/03/2025 10/03- 14/03/2025
	Giao thông - PTGT đường bộ, đường sắt - PTGT đường thủy, hàng không - Bé với luật giao thông	3 1 1 1	17/03– 21/03/2025 24/03 – 28/03/2025 31/03 – 04/04/2025
	Nước và một số hiện tượng TN - Những điều kì diệu của nước - Một số hiện tượng tự nhiên - Các mùa trong năm	3 1 1 1	07/04 – 11/04/2025 14/04 – 18/04/2025 21/04 – 25/04/2025
	Quê hương - đất nước - Quê Hương - Đất nước Việt Nam yêu dấu - Bác Hồ kính yêu - Ôn tập cuối năm	3 1 1 1 1	28/04 – 02/05/2025 05/05 - 09/05/2025 12/05 – 16/05/2025 19/05 – 23/05/2025

3. Tổ 3 tuổi

STT	Dự kiến chủ đề	Số tuần	Thời gian thực hiện
1	Trường Mầm non. (Ngày hội đến trường của bé). - Trường Mầm non Long Hưng của bé. - Bé vui đón tết trung thu. - Bé 3A2 của bé.	3	
		1	09/09 - 13/09/2024
		1	16/09 - 20/09/2024
		1	23/09 - 27/09/2024
2	Bản thân. - Cơ thể của bé. - Các giác quan. - Bé cần gì để lớn lên và khỏe mạnh.	3	
		1	30/09 - 04/10/2024
		1	07/10 - 11/10/2024
		1	14/10 - 18/10/2024
	Gia Đình. - Gia đình của bé.	4	21/10 – 25/10/2024
		1	28/10 – 01/11/2024

3	- Ngôi nhà thân yêu của bé	1	04/11 – 08/11/2024
	- Đồ dùng gia đình.	2	11/11- 15/11/2024
4	Nghề nghiệp.	5	
	- Bé yêu cô giáo	1	18/11- /22/11/2024
	- Bé yêu bác nông dân.	1	25/11 – 29/11/2024
	- Nghề lính cứu hoả.	1	02/12- 06/12/2024
	- Nghề chăm sóc sức khỏe.	1	09/12 – 13/12/2024
- Bé yêu các chú bộ đội..	1	16/12 – 20/12/2024	
5	Thế giới động vật.	4	
	- Vật nuôi mà bé biết.	1	23/12 – 27/12/2024
	- Một số con vật sống trong rừng.	1	30/12 – 03/01/2025
	- Con gì ở dưới nước.	1	05/01 - 10/01/2025
- Một số con côn trùng	1	13/01 - 17/01/2025	
6	Tết và mùa xuân.	3	
	- Tết Nguyên đán.	1	20/01 - 24/01/2025
	- Ôn tập và nghỉ tết	1	27/01 – 07/02/2025
- Mùa xuân.	1	10/02 – 14/02/2025	
7	Thế giới thực vật.	4	
	- Một số loại cây.	1	17/02-21/02/2025
	- Một số loại rau.	1	24/02-28/02/2025
	- Một số loại hoa.	1	03/03 - 07/03/2025
- Một số loại quả.	1	10/03- 14/03/2025	
8	Giao thông.	3	
	- PTGT đường bộ, sắt.	1	17/03 -21/03/2025
	- PTGT đường thủy, đường hàng không.	1	24/03- 28/03/2025
- Một số luật lệ giao thông.	1	31/03- 04/04/2025	
9	Nước và 1 số hiện tượng tự nhiên.	3	
	- Giọt nước tí xíu.	1	07/04- 11/04/2025
	- Một số hiện tượng tự nhiên.	1	14/04 -18/04/2025
- Một số mùa trong năm.	1	21/04 -25/04/2025	
10	Quê hương - Đất nước - Bác Hồ.	3	
	- Quê hương, đất nước Việt Nam của bé.	1	28/04 -02/05/2025
	- Bác Hồ kính yêu	1	05/05 -09/05/2025
	- Ôn tập.	1	12/05 - 16/05/2025

4. Tổ nhà trẻ

Stt	Dự kiến chủ đề	Số tuần	Thời gian thực hiện
1	Các cô, bác trong trường MN	3	
	- Các cô, bác trong lớp bé.	1	09/9 – 13/09/2024
	- Trung thu với bé	1	16/09 – 20/09/2024
	- Công việc của các cô, bác trong trường mầm non	1	23/09 – 27/09/2024
2	Bé và các bạn	3	
	- Bản thân bé	1	30/9 – 04/10/2024
	- Các bạn của bé	1	07/10 – 11/10/2024
- Bé và các bạn cùng chơi	1	14/10 – 18/10/2024	
3	Đồ chơi của bé	3	
	- Những đồ chơi quen thuộc gần gũi.	1	21/10 – 25/10/2024
	- Những đồ chơi có thể chuyển động được.	1	28/10 – 01/11/2024
- Đồ chơi lắp ráp xây dựng.	1	04/11 – 08/11/2024	
4	Cây và những bông hoa đẹp	4	
	- Bé yêu cây xanh	1	11/11 – 15/11/2024
	- Những bông hoa đẹp	1	18/11 – 22/11/2024
	- Các loại quả bé thích	1	25/11 – 29/11/2024
- Một số loại rau	1	02/12 – 06/12/2024	
5	Những con vật đáng yêu	3	
	- Một số con vật nuôi trong gia đình	1	09/12 – 13/12/2024
	- Một số con vật sống trong rừng	1	16/12 – 20/12/2024
- Một số con vật sống dưới nước	1	23/12 - 27/12/2024	
6	Bé thích đi bằng phương tiện giao thông gì?	3	
	- Phương tiện GT đường bộ	1	30/12 – 03/01/2025
	- Phương tiện GT đường thủy	1	06/01 – 10/01/2025
- Phương tiện GT đường sắt, đường hàng không	1	13/01 – 17/01/2025	
7	Ngày Tết và mùa xuân	4	
	- Ngày Tết với bé	1	20/01 – 24/01/2025
	- Ôn tập về ngàyTết	1	27/01 – 07/02/2025
	- Các loại hoa, quả, bánh trong ngày Tết	1	10/02 – 14/02/2025
- Mùa xuân với bé	1	17/02 – 21/02/2025	
8	Mẹ và những người thân của bé	4	

	- Người thân của bé - Mẹ của bé - Đồ dùng trong gia đình bé - Đồ chơi gia đình	1 1 1 1	24/02 – 28/02/2025 03/03 – 07/03/2025 10/03 – 14/03/2025 17/03– 21/03/2025
9	Mùa hè với bé - Thời tiết mùa hè - Trang phục mùa hè - Các hoạt động trong mùa hè - Ôn tập	4 1 1 1 1	24/03 – 28/03/2025 31/03 – 04/04/2025 07/04 – 11/04/2025 14/04 – 18/04/2025
10	Bé lên mẫu giáo - Lớp học của bé - Các hoạt động của bé trong nhóm, lớp. - Bé lên mẫu giáo - Ôn tập - Ôn tập	5 1 1 1 1 1	21/04 – 25/04/2025 28/04 – 02/05/2025 05/05 – 09/05/2025 12/05 – 16/05/2025 19/05 – 23/05/2025

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với Cán bộ quản lý

* Công tác quản lý, chỉ đạo:

- Xây dựng và triển khai kế hoạch giáo dục nhà trường.
- Hiệu trưởng phê duyệt nội dung kế hoạch giáo dục nhà trường sau đó đưa về các tổ chuyên môn.
- Xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

- Chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch hoạt động tổ, tổ chức thực hiện hoạt động theo đúng Điều lệ trường Mầm non, theo kế hoạch giáo dục nhà trường đã xây dựng nộp về BGH duyệt để xây dựng kế hoạch hoạt động chuyên môn của trường năm học: 2024-2025.

- Hướng dẫn giáo viên thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường phù hợp với độ tuổi và nhận thức của trẻ ở từng nhóm/lớp.

- Xây dựng thời khóa biểu thực hiện các hoạt động học của các độ tuổi phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường.

* Công tác kiểm tra đánh giá:

- Ban giám hiệu nhà trường lên kế hoạch kiểm tra theo kế hoạch, kiểm tra thường xuyên, đột xuất...việc thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường của từng tổ chuyên môn trong suốt quá trình năm học.

- Kiểm tra quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ của giáo viên.

- Phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn nắm bắt tình hình việc thực hiện chương trình

giáo dục của các tổ chuyên môn, tổng hợp đánh giá, báo cáo hiệu trưởng sau đó lên kế hoạch điều chỉnh, bổ sung nội dung chương trình sao cho phù hợp với từng độ tuổi sau mỗi kỳ học và kết năm học, khi cần thiết.

2. Đối với tổ trưởng chuyên môn.

- Xây dựng kế hoạch cụ thể theo từng độ tuổi và triển khai tới toàn thể giáo viên trong tổ.

- Tổ chức sinh hoạt tổ chuyên môn theo quy định (2 tuần/1 lần).

3. Đối với giáo viên

- Xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý trẻ, phù hợp với văn hóa địa phương ở khối lớp mình phụ trách.

- Tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ theo Kế hoạch và điều chỉnh phù hợp.

- Chịu trách nhiệm chất lượng chăm sóc, giáo dục của nhóm, lớp phụ trách.

- Tạo môi trường giáo dục trong và ngoài lớp; làm đồ dùng dạy học; khai thác và sử dụng hiệu quả đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị phục vụ quá trình giáo dục

- Tham gia các phong trào, hoạt động chuyên môn do trường và ngành phát động.

Trên đây là Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2024-2025 của trường Mầm non Long Hưng, đề nghị Tổ trưởng, giáo viên toàn trường nghiêm túc thực hiện./.

**Người lập kế hoạch
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Nguyễn Thị Hiên

HIỆU TRƯỞNG KÝ DUYỆT



Nguyễn Thị Hồng Nhi